

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, như sau:

1. Bổ sung tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024 là 1.500.000 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục 01, 02)

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các danh mục, dự án.

(Kèm theo phụ lục 03)

3. Điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025, cụ thể:

a) Các dự án tỉnh Bình Định (trước sắp xếp): Điều chỉnh lại đầu mối giao kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án sử dụng vốn cấp huyện.

(Kèm theo phụ lục 04)

b) Các dự án tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp):

- Điều chỉnh lại đầu mối giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với các dự án cấp huyện có sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

(Kèm theo phụ lục 05)

- Điều chỉnh lại đầu mối giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với các dự án sử dụng vốn cấp huyện.

(Kèm theo phụ lục 06)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XV tổ chức và hướng dẫn các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định Nhà nước hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XV; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- LĐ và CV VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, TTPVHCC, T5, T7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
	TỔNG SỐ		1.500.000		
	Trong đó:				
1	Nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024		1.500.000	1.500.000	Chi tiết phụ lục 02

Phụ lục 02

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư		
	TỔNG SỐ				1.500.000	
1	Xây dựng đường cất hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát	BQLDA các công trình GT và DD tỉnh	1807/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	3.246.000	1.500.000	

Phụ lục 03

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch trung hạn	Điều chỉnh vốn NST: tăng (+), giảm (-)	KH trung hạn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
I	Điều chỉnh giảm						-120.900		
1	Các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, GPMB các dự án của tỉnh					3.350.321	-100.000	3.250.321	
2	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn	BQLDA các công trình GT và DD tỉnh	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022 4696/QĐ-UBND; 19/12/2023	1.171.000	371.000	371.000	-20.900	350.100	
II	Điều chỉnh tăng						120.900		
1	Chi Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh					0	100.000	100.000	
2	Xây dựng cầu An Lão, Km25+727, tuyến đường Tỉnh 629	BQLDA các công trình giao thông và dân dụng tỉnh	656/QĐ-UBND; 27/02/2025	129.000	129.000	0	20.900	20.900	

Phụ lục 04

ĐIỀU CHUYỂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH BÌNH ĐỊNH (TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
A	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				12.562.000			
I	Tiền sử dụng đất rút về tỉnh				472.585			
I.1	Kế hoạch vốn theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025				431.005			
I.2	Kế hoạch điều chỉnh				41.580			
a)	Huyện Tây Sơn				10.000			
	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt)	2841/QĐ-UBND; 01/8/2023; 3913/QĐ-UBND; 11/11/2024	47.835	23.105	10.000	UBND huyện Tây Sơn	Ban QLDA GT&DD	
b)	Huyện An Lão				80			
	Khu tái định cư vùng thiên tai thôn Trà Cong, xã An Hòa	2030/QĐ-UBND; 15/6/2025	44.657	7.153	80	UBND huyện An Lão	Ban QLDA NN&PTNT	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
c)	Huyện Phù Cát				17.900			
	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát	63/NQ-HĐND; 10/12/2022	436.700	311.350	17.900	UBND huyện Phù Cát	Ban QLDA GT&DD	
d)	Thành phố Quy Nhơn				13.600			
	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn				13.600	UBND thành phố Quy Nhơn	Ban QLDA GT&DD	
II	Tiền sử dụng đất chuyển về xã				12.089.415			Giao Sở Tài chính tham UBND tỉnh quyết định
II.1	Kế hoạch vốn theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025				12.130.995			
II.2	Kế hoạch điều chỉnh				-41.580			

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIA LAI (TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTDT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
	TỔNG SỐ					3.997.912	2.830.481	-	1.167.432			
A	CÁC DỰ ÁN					3.121.929	2.205.370	-	916.559			
I	Danh mục, dự án điều chỉnh đầu mỗi giao kế hoạch theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025					3.121.929	2.205.370	-	916.559			
I.1	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN					381.400	330.000	-	51.400			
a)	Thành phố Pleiku					251.400	200.000	-	51.400			
1	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	396/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	190.000		190.000	1.400			1.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Pleiku	BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ trường Chính trị đến trường Lâm Nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	387/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	160.000		160.000	50.000			50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Pleiku	BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Kè chống sạt lở Suối Hội Phú (đoạn từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Nguyễn Trung Trực - Chùa Minh Thành), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	414/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 449/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; 559/QĐ-UBND ngày 16/6/2025.	450.164	200.000		200.000	200.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Pleiku	BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
b)	Thị xã Ayun Pa					130.000	130.000	-	-			
1	Đường vành đai 1 (Quốc lộ 25 - cầu Ia Hiao), thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	394/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 450/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	200.000	200.000		130.000	130.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ayun Pa	BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
I.2	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN VỀ XÃ, PHƯỜNG THỰC HIỆN					2.740.529	1.875.370	-	865.159			
a)	Thị xã An Khê					180.940	150.000	-	30.940			
1	Đường nối từ Quốc lộ 19 (đường Quang Trung) đi đường Vành đai phía bắc thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	12/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	150.000	150.000		150.000	150.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực An Khê	UBND Phường An Khê	
2	Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	1134/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	120.000		120.000	940			940	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực An Khê	UBND Phường An Khê	
3	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 671/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	37.000	30.000	30.000	30.000			30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực An Khê	UBND phường An Bình	
b)	Huyện Chư Păh					170.000	100.000	-	70.000			
1	Đường liên xã huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	390/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	100.000	100.000		100.000	100.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
2	Hồ thị trấn Phú Hòa	616/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	89.500		50.000	50.000			50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
3	Trụ sở UBND huyện Chư Păh	356/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	24.000		20.000	20.000			20.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
c)	Huyện Chư Prông					188.000	148.000	-	40.000			
1	Đường liên xã Ia Băng - Ia Vê huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	1013/QĐ-UBND, 28/10/2016	80.000	80.000		38.000	38.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Prông	UBND xã Chư Prông	
2	Đường liên xã huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	376/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	110.000	110.000		110.000	110.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Prông	UBND xã Chư Prông	
3	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	426/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	75.000		75.000	40.000			40.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Prông	UBND xã Chư Prông	
d)	Huyện Chư Pưh					170.000	90.000	-	80.000		đa	
1	Đường liên xã huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	389/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	90.000	90.000		90.000	90.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Pưh	UBND xã Chư Pưh	
2	Đường phía Đông, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh	488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	70.000		70.000	70.000			70.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Pưh	UBND xã Chư Pưh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
3	Đường nội thị huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	424/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20.000		20.000	10.000			10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Pưh	UBND xã Chư Pưh	
d)	Huyện Chư Sê					106.820	100.000	-	6.820			
1	Đường liên xã huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Gia Lai	100.000	100.000		100.000	100.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Sê	UBND xã Bờ Ngoong	
2	Đường nội thị huyện Chư Sê	630/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh Gia Lai	120.000		120.000	820			820	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
3	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: H'bông, Bar Măih, Ia Ko và Ia Tiêm, huyện Chư Sê	03/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	6.000		6.000	6.000			6.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
e)	Huyện Đak Đoa					134.500	100.000	-	34.500			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: Ia Băng, Đak Krong và Kon Gang, huyện Đak Đoa	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	4.500		4.500	4.500			4.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Đoa	UBND xã Kon Gang	
2	Đường liên xã huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	379/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	100.000	100.000		100.000	100.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
3	Đường giao thông huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	382/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	70.000		70.000	30.000			30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
g)	Huyện Đak Pơ					120.000	90.000	-	30.000			
1	Đường giao thông huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	378/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	90.000	90.000		90.000	90.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Pơ	UBND xã Đak Pơ	
2	Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	70.000		70.000	30.000			30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Pơ	UBND xã Đak Pơ	
h)	Huyện Đức Cơ					116.164	100.000	-	16.164			
1	Đường liên xã huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	359/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	100.000	100.000		100.000	100.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
2	Nâng cấp, mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	361/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	35.000		35.000	16.164			16.164	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
i)	Huyện Ia Grai					213.000	120.000	-	93.000			
1	Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	589/QĐ-UBND ngày 05/11/2022	120.000	120.000		120.000	120.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
2	Đường liên xã Ia Dêr - Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	453/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	50.000		50.000	50.000			50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
3	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai	708/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	55.000		40.000	40.000			40.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
4	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an Thị trấn Ia Kha và xã Ia Krăi, huyện Ia Grai	137/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	6.000		3.000	3.000			3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
k)	Huyện Ia Pa					120.000	90.000	-	30.000			
1	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	397/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	60.000		60.000	30.000			30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
2	Đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	399/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	90.000	90.000		90.000	90.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
l)	Huyện Kbang					189.000	135.000	-	54.000			
1	Trung tâm y tế huyện Kbang	1102/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	110.000		100.000	39.000			39.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
2	Đường liên xã huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	398/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	135.000	135.000		135.000	135.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
3	Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	393/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	43.400		35.000	15.000			15.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
m)	Huyện Kông Chro					165.000	100.000	-	65.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTDT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
1	Đường từ xã Yang Nam đi xã Chơ Long	377/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 558/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	100.000	100.000		100.000	100.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
2	Trụ sở HĐND và UBND huyện Kông Chro	357/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2023; 65/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	24.000		20.000	20.000			20.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
3	Đường nội thị thị trấn Kông Chro	360/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	90.000,00		90.000	45.000			45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
n)	Huyện Krông Pa					150.870	96.370	-	54.500			
1	Đường liên xã huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017;228/QĐ-UBND ngày 10/3/2016; 67/QĐ-UBND ngày 01/02/2021	124.302	93.291		6.370	6.370			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
2	Đường giao thông kết nối các xã Ia Mlah, Phú Cản và thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	353/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	90.000	90.000		90.000	90.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
3	Đường liên xã Phú Cản – Ia Rmok, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	329/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 96/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	10.000		10.000	10.000			10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
4	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	355/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	80.000		80.000	40.000			40.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
5	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: Ia Rsai, Uar và Chư Đrăng, huyện Krông Pa	05/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	4.500		4.500	4.500			4.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Krông Pa	UBND xã Uar	
o)	Huyện Mang Yang					123.000	90.000	-	33.000			
1	Đường liên xã huyện Mang Yang	535/QĐ-UBND ngày 02/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	90.000	90.000		90.000	90.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Mang Yang	UBND xã Kon Chiêng	
2	Đường nội thị huyện Mang Yang	422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	66.000		66.000	30.000			30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Mang Yang	UBND xã Mang Yang	
3	Trụ sở Công an thị trấn Kon Dong và xã H'ra, huyện Mang Yang	60/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện	1.200		3.000	3.000			3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Mang Yang	UBND xã Mang Yang	
p)	Huyện Phú Thiện					123.000	90.000	-	33.000			
1	Đường nội thị huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 425/NQ-HĐND ngày 14/10/2024; 1096/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	90.000	90.000		90.000	90.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
2	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	395/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	70.000		70.000	30.000			30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
3	Trụ sở Công an các xã Ia Piar và Chrôh Ponan, huyện Phú Thiện	34/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	3.000		3.000	3.000			3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
q)	Thành phố Pleiku					300.000	260.000	-	40.000			
1	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trường Chinh - đường Lê Thánh Tôn), thành phố Pleiku.	411/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	260.000	260.000		260.000	260.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
2	Bổ sung có mục tiêu để thành phố Pleiku xây dựng Trụ sở HĐND-UBND thành phố Pleiku	76/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 437/QĐ-UBND ngày 14/04/2023	150.000		40.000	40.000			40.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Pleiku	UBND phường Pleiku	
r)	Thị xã Ayun Pa					170.235	16.000	-	154.235			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
1	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 167/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	87.778	87.778		16.000	16.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
2	Chỉnh trang đô thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	1035/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 246/QĐ-UBND ngày 14/5/2022	50.000		50.000	24.000			24.000	UBND phường Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
3	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	1090/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2025	130.000		130.000	130.000			130.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
4	Kê chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	724/QĐ-UBND ngày 09/8/2013; 939/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 848/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; 1043/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	412.009		64.988	235			235	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
B	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					875.983	625.111	-	250.872			
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					659.162	214.382	-	78.140			
I.1	Danh mục, dự án điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025					522.975	350.078	-	172.897			
1	Dự án 2: Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Hà Đông, huyện Đak Đoa	3012/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	25.087,000			23.362	13.900		9.462	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Somei	
2	Sắp xếp, ổn định dân cư làng Phung, thôn Pior 1 xã Ia Pior	2246/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	70.084,000			39.697	38.910		787	BQLDA ĐTXD khu vực Chư Prông	UBND xã Ia Lâu	
3	Sắp xếp, ổn định dân cư làng Hlang Ngol, làng Ó, làng Siu, làng Doách, xã Ia Vê	2382/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	49.585,000			41.591	27.510		14.081	BQLDA ĐTXD khu vực Chư Prông	UBND xã Ia Pia	
4	Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Pyầu, làng Đê Bơ Turk, làng Đê Kôn (xã Lor Pang, xã Đak Jơ Ta, xã H'ra)	1997/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 Chủ tịch UBND huyện	45.087,000			42.042	25.010		17.032	Ban QL DA ĐTXD khu vực Mang Yang	UBND xã Lor Pang	
5	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Tăng Lăng, làng Hro, làng Sơ Lam, làng Klêch thuộc xã Krong (Theo Quyết 466/QĐ-UBND các huyện thị xã đối ứng từ 5 đến 10% để hoàn thành dự án)	136/QĐ-UBND 09/10/2023	69.430,000			65.115			65.115	Ban QL DA ĐTXD khu vực Kbang	UBND xã Krong	
6	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư làng Ia Jol và Ia Brêl, xã Ia Le	557/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	41.087,000			37.960	37.960		-	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Puh	UBND xã Ia Le	
7	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư thôn Tống Kek, làng Mung, xã Ia Hla và làng Kuai, xã Ia Blư, huyện Chư Puh	631/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	44.587,000			41.200	41.200		-	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Puh	UBND xã Ia Le	
8	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang	588/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	31.087,000			29.050	17.317		11.733	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Ia Krêl	
9	Dự án: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tó, huyện Ia Pa	72/QĐ-UBND, ngày 17/7/2023	47.188,000			47.188	30.480		16.708	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Pờ Tó	
10	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Díp, xã Ia Kreng	1143/QĐ-UBND ngày 7/11/2024	43.387,000			40.655	37.300		3.355	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Ia Ly	
11	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Bui, xã Ia Ka	1147/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	22.187,000			22.187	22.187		-	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Ia Phí	
12	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu làng Ia Gri, xã Chư Đang Ya, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	49/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	9.416,000			9.416	6.208		3.208	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Biển Hồ	
13	Sắp sếp bố trí ổn định ân cư khu vực biên giới xã Ia O	175/QĐ-UBND 16/3/2023	45.087,000			42.517	25.290		17.227	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia O	
14	Sắp xếp bố trí ổn định ân cư Làng Yom xã Ia Khai	580/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	16.087,000			14.946	8.890		6.056	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Krái	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
15	Đường liên xã Đăk Ta Ley - Đăk Yă, huyện Mang Yang	2321/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	5.106,000			5.106	5.106			Ban QL DA ĐTXD khu vực Mang Yang	UBND xã Mang Yang	
16	Dự án 4: Đường trục xã Ia Yeng (đoạn từ xã Ia Mron đến trung tâm xã Ia Yeng)	375/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	6.400,000			6.400	6.400		-	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
17	Dự án 4: Đầu tư nâng cấp đường GTNT thôn Plei Oi, xã Ayun Hạ		5.528,000			5.528	248		5.280	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Chư A Thai	
18	Dự án 6: Tu bổ, tôn tạo di tích Plei Oi, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Plei Oi)	1886/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	9.014,803			9.015	6.162		2.853	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Chư A Thai	
I.2	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn trung hạn đã giao tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025					-156.334	-112.359	0	-43.975			
a)	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt											
	Huyện Mang Yang											
1	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở xã Kon Thup					-132			-132	UBND Huyện Mang Yang	UBND Xã Lơ Pang	
2	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở xã Hra					-132			-132		UBND xã Hra	
3	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở xã Đak Ta Ley					-88			-88		UBND xã Hra	
4	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở xã Đak Jo Ta					-44			-44		UBND xã Ayun	
	Huyện Ia Grai											
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					-56			-56	UBND Huyện Ia Grai	UBND xã Ia Hrug	
b)	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết											
	Huyện Mang Yang											
1	Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Pyâu, làng Đê Bơ Tưk, làng Đê Kôn (xã Lơ Pang, xã Đak Jo Ta, xã H'ra)	1997/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 Chủ tịch UBND huyện	45.087,000			-42.042	-25.010		-17.032	Ban QL DA ĐTXD huyện Mang Yang	UBND xã Lơ Pang	
	Huyện Chư Puh											
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư làng Ia Jol và Ia Brêl, xã Ia Le					-37.960	-37.960			Ban QL DA ĐTXD huyện Chư Puh	UBND xã Ia Le	
	Huyện Chư Păh											
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu làng Ia Gri, xã Chư Đang Ya, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	49/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	9.416,000			-9.416	-6.208		-3.208	BQL DA ĐTXD huyện Chư Păh	UBND xã Biển Hồ	
	Huyện Ia Grai											
1	Sắp xếp bố trí ổn định ăn cư khu vực biên giới xã Ia O	175/QĐ-UBND 16/3/2023	45.087,000			-42.517	-25.290		-17.227	Ban QL DA ĐTXD huyện Ia Grai	UBND xã Ia O	
1	Sắp xếp bố trí ổn định ăn cư Làng Yom xã Ia Khai	580/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	16.087,000			-14.946	-8.890		-6.056	Ban QL DA ĐTXD huyện Ia Grai	UBND xã Ia Krái	
c)	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS & MN											
	Huyện Chư Prông											
1	Đường giao thông làng La	198/QĐ - UBND ngày 03/12/2024	756,000			-756	-756			UBND Huyện Chư Prông	UBND xã Ia Boông	
1	Đường Giao thông làng Khor	253/QĐ - UBND ngày 28/11/2024	410,000			-410	-410				UBND xã Ia Boông	
	Huyện Chư Puh		230,200									
1	Nhà văn hóa thôn Plei Lao	1216/QĐ/UBND ngày 24/12/2025	230,200			-149	-149			UBND Huyện Chư Puh	UBND xã Chư Puh	
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Lũh Ngó		230,400			-149	-149				UBND xã Ia Hứ	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tong Yong		230,400			-149	-149				UBND xã Ia Hứ	
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Plei Dư		230,300			-149	-149				UBND xã Ia Hứ	
	Huyện Kbang											
1	Nội đồng làng Mơ Tôn: Tuyển từ Nghĩa địa ra khu sản xuất; Tuyển từ Cầu sắt ra khu sản xuất		514,000			-514	-514			UBND Huyện Kbang	UBND xã Tơ Tung	
2	Đường nội làng Đăk Lơ Nhang; Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	28/QĐ - UBND ngày 13/03/2025	563,000			-563	-563				UBND xã Đak Rong	
	Huyện Kông Chro											
1	Nhà rông văn hóa làng Hlang, xã Yang Nam					-218	-218			UBND Huyện Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
2	Nhà rông văn hóa làng Klăh, xã Chơ Glong					-218	-218				UBND xã Chơ Long	
	Huyện Mang Yang											
1	Công trình đường làng Đê Ron		997,419			-997	-997				UBND xã Mang Yang	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTDT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường đi khu sản xuất làng Dak Bết	37/QĐ-UBND ngày 01/04/2024	962,300			-746	-746		UBND Huyện Mang Yang	UBND xã Kon Chiêng		
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường đi khu sản xuất làng Tobla	30/QĐ-UBND ngày 18/04/2025	864,000			-864	-864			UBND xã Kon Chiêng		
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường nội làng Dak Bớt	29/QĐ-UBND ngày 03/04/2025	1.377,700			-1.378	-1.378			UBND xã Kon Chiêng		
Huyện Đức Cơ												
1	Đường giao thông vào nghĩa địa chung làng Nêh	147/QĐ-UBND, ngày 19/12/2023	1.040,000			-212	-212		UBND Huyện Đức Cơ	UBND xã Ia Krêl		
2	Đường giao thông nội đồng làng Yít Tú (Đoạn từ lô cao su 39, Đội 7, Công ty 75 đến tiếp giáp đất nhà ông Rơ Lan Xem)	266/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024	1.794,000			-200	-200			UBND xã Ia Krêl		
d)	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch											
Huyện Krông Pa												
1	Nhà văn hoá - khu thể thao buôn Sai xã Chư Ngọc, buôn Ma Giai xã Đát Bàng, buôn Ia Soá xã Krông Năng, buôn HDreh xã ia Dreh, buôn Thành Công xã Chư Drăng.	2.000,00				-1.331	-1.331		UBND Huyện Krông Pa	UBND xã Ia Dreh		
L3	Danh mục dự án bổ sung					292.521	214.382	-	78.140			
a)	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt											
Thành phố Pleiku												
1	Hỗ trợ nhà ở. Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	QĐ 3250/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	176			176			UBND thành phố Pleiku	UBND xã Biển Hồ		
2	Hỗ trợ nhà ở. Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Vốn năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025)	QĐ số 169/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	176			176				UBND xã Biển Hồ		
3	Hỗ trợ nhà ở. Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2025)	QĐ số 232/QĐ-UBND ngày 24/03/2023	24			24				UBND xã Biển Hồ		
Huyện Chư Păh												
1	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Kreng		1.100			1.100			UBND huyện Chư Păh	UBND xã Ia Ly		
2	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất xã Hòa Phú	1835/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	132			132				UBND xã Chư Păh		
3	Dự án 1, hỗ trợ nhà ở		924			924				UBND xã Ia Khưl		
4	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Phí		396			396				UBND xã Ia Phí		
5	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Nhin		484			484				UBND xã Ia Phí		
Huyện Chư Prông												
1	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Phin	242/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	220			200	200	-	UBND huyện Chư Prông	UBND xã Chư Prông		
2	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Drang	248/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	264			240	240	-		UBND xã Chư Prông		
3	Hỗ trợ nhà ở xã Thăng Hưng	254/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	132			120	120	-		UBND xã Bầu Cạn		
4	Hỗ trợ nhà ở xã Bình Giáo	297/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	264			240	240	-		UBND xã Bầu Cạn		
5	Hỗ trợ nhà ở xã Bình Giáo (năm 2024)		44			44	-	44		UBND xã Bầu Cạn		
6	Hỗ trợ nhà ở xã Thăng Hưng (năm 2024)		44			44	-	44		UBND xã Bầu Cạn		
7	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Boong	212/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	308			280	280	-		UBND xã Ia Boong		
8	Hỗ trợ nhà ở xã Ia O	181/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	88			60	60	-		UBND xã Ia Boong		
9	Hỗ trợ nhà ở xã Ia O (đợt 2)	113/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	220			200	200	-		UBND xã Ia Boong		
10	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Pior	142/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	528			480	480	-		UBND xã Ia Lâu		
11	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Lâu		44			44	40	4		UBND xã Ia Lâu		
12	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Lâu (2024)		176			176	-	176		UBND xã Ia Lâu		
13	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Vê	261/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	528			480	480	-		UBND xã Ia Pía		
14	Hệ thống cấp nước sinh hoạt làng Tu 1, xã Ia Ga		-			62	62	-		UBND xã Ia Pía		
15	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Pía		-			132	120	12		UBND xã Ia Pía		
16	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Ga đợt 2 (năm 2024)		-			176	-	176		UBND xã Ia Pía		
17	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Bằng	195/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	220			200	200	-		UBND xã Ia Tờ		
18	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Bằng (năm 2024)		-			132	-	132		UBND xã Ia Tờ		
19	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Púch	159/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	88			80	80	-		UBND xã Ia Púch		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú	
		Số QĐ/CTDT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA				Ngân sách tỉnh
20	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Mơ	157/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	220			200	200	-		UBND xã Ia Mơ		
	Huyện Đắk Pơ					582	582	-	-			
1	Tên dự án : Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung		582			582	582		-	UBND huyện Đắk Pơ	UBND xã Đắk Pơ	
	Huyện Kbang					4.248	125	-	4.123			
1	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku, xã Đắk Smar	Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	278			324	-		324	UBND Huyện Kbang	UBND xã Kbang	
2	Hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 76/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	176			176	-		176		UBND xã Kbang	
3	Hỗ trợ nhà ở xã Kông Bơ La + xã Đông + xã Nghĩa An	2762/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	2.376			528	-		528		UBND xã Kông Bơ La	
4	Hỗ trợ nhà ở xã Kông Long Khong	124 ngày 15/4/2025	1.428			748	-		748		UBND xã Tơ Tung	
5	Hỗ trợ đất ở xã Kông Long Khong		44			44	-		44		UBND xã Tơ Tung	
6	Hỗ trợ nhà ở xã tơ Tung		880			880	-		880		UBND xã Tơ Tung	
7	Hỗ trợ nhà ở xã Kon Pnê		880			880	125		755		UBND xã Đắk Rong	
8	Hỗ trợ nhà ở xã Đắk Rong		924			668	-		668		UBND xã Đắk Rong	
	Huyện Kông Chro					3.440	3.000	-	440	UBND Huyện Kông Chro		
1	Xã Yang Nam	92/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	3.000			3.000	3.000		-		UBND xã Kông Chro	
2	Xã Đắk Tơ Pang		440			440	-		440		UBND xã Ya Ma	
	Huyện Phú Thiện					4.224	120	-	4.104	UBND Huyện Phú Thiện		
1	Hỗ trợ nhà ở, đất ở xã Ia Piar		440			440	-		440		UBND xã Phú Thiện	
2	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Yeng.		1.584			1.584	-		1.584		UBND xã Phú Thiện	
3	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Yeng		88			88	-		88		UBND xã Phú Thiện	
4	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Sol		264			264	-		264		UBND xã Phú Thiện	
5	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Phú Thiện		220			220	-		220		UBND xã Phú Thiện	
6	Hỗ trợ nhà ở xã Chư A Thai	QĐ số 58/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND huyện và QĐ số 230/QĐ-UBND huyện	1.188	120	1.068	1.188	120		1.068		UBND xã Chư A Thai	
7	Hỗ trợ nhà ở, đất ở năm 2023 xã Ayun Hạ		44			44	-		44		UBND xã Chư A Thai	
8	Hỗ trợ đất ở năm 2024 xã Ayun Hạ		44			44	-		44		UBND xã Chư A Thai	
9	Hỗ trợ nhà ở, đất ở năm 2023 xã Chư A Thai		88			88	-		88		UBND xã Chư A Thai	
10	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Peng					88	-		88		UBND xã Ia Hiao	
11	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Hiao					176	-		176	UBND xã Ia Hiao		
	Huyện Ia Pa					11.088	-	-	11.088	UBND Huyện Ia Pa		
1	Xã Chư Răng		792			792	-		792		UBND xã Pờ Tó	
2	Xã Pờ Tó		3.740			3.740	-		3.740		UBND xã Pờ Tó	
3	Hỗ trợ đất ở, nhà ở Xã Ia Mron	Số 75/QĐ-UBND ngày 21/05/2024	1.276			1.276	-		1.276		UBND xã Ia Pa	
4	Hỗ trợ đất ở, nhà ở Xã Kim Tân		704			704	-		704		UBND xã Ia Pa	
5	Hỗ trợ đất ở, nhà ở Xã Ia Trôk		440			440	-		440		UBND xã Ia Pa	
6	Hỗ trợ đất ở, nhà ở Xã Chư Mố		704			704	-		704		UBND xã Ia Tul	
7	Hỗ trợ đất ở, nhà ở Xã Ia Tul		792			792	-		792		UBND xã Ia Tul	
8	Hỗ trợ đất ở, nhà ở Xã Ia Broãi		396			396	-		396		UBND xã Ia Tul	
9	Hỗ trợ đất ở, nhà ở Xã Ia Kdăm		2.244			2.244	-		2.244	UBND xã Ia Tul		
	Huyện Krông Pa					11.250	5.538	-	5.713			
1	Hỗ trợ nhà ở xã Đất Bằng, xã Chư Ngọc		1.232			1.232	528		705		UBND xã Phú Túc	
2	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Dreh	- Số: 17/QĐ-UBND ngày 10/02/2025.	922			440	120		320		UBND xã Ia Dreh	
3	Hỗ trợ nhà ở xã Krông Năng	Số 21/QĐ - UBND, ngày 21/02/2025	934			708	365		343		UBND xã Ia Dreh	
4	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Rmôk	Số 32/QĐ - UBND, ngày 02/04/2025	1.047			475	155		320		UBND xã Ia Dreh	
5	Hỗ trợ nhà ở xã Chư Rcăm		1.100			1.055	280		775		UBND xã Ia Rsai	
6	Hỗ trợ nhà ở xã Chư Gu	79/QĐ-UBND ngày 06/3/2025	792			440	160		280	UBND xã Ia Rsai		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
7	Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất - thuộc dự án 1, chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn xã Ia Rsai	77b/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	252			372	120		252	UBND Huyện Krông Pa	UBND xã Ia Rsai	
8	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Rsai	77a/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	496			736	240		496		UBND xã Ia Rsai	
9	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.		3.000			3.000	3.000		-		UBND xã Uar	
10	Hỗ trợ nhà ở xã Chư Drăng	Số Quyết định 42/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025	956			956	240		716		UBND xã Uar	
11	Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất xã Chư Drăng	Số Quyết định 42/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025	516			516	120		396		UBND xã Uar	
12	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Rsum		1.007			1.007	80		927		UBND xã Uar	
13	Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất xã Ia Rsum		80			80	80		-		UBND xã Uar	
14	Hỗ trợ nhà ở xã Uar		234			234	50		184		UBND xã Uar	
	Huyện Đắk Đoa					2.620	-	-	2.620			
1	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở		1.432			1.432	-		1.432	UBND Huyện Đắk Đoa	UBND xã Kon Gang	
2	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất xã Ia Pết	50/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	220			220	-		220		UBND xã Ia Bắmg	
3	Nhà ở xã Trang	3350/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	704			704	-		704		UBND xã KDang	
4	Đất ở xã Trang		44			44	-		44		UBND xã KDang	
5	Hỗ trợ nhà ở, đất ở xã Hà Đông		-			220	-		220		UBND xã Đak Somei	
	Huyện Mang Yang					20.571	2.167	-	18.404			
1	Hỗ trợ nhà ở xã Đak Djrăng	Số QĐ: 16/QĐ-UBND ngày 24/2/2025 của UBND thị trấn Kon Dơng	440			440	-		440	UBND Huyện Mang Yang	UBND xã Mang Yang	
2	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Kon Dơng	Số QĐ: 22/QĐ-UBND ngày 24/2/2025 của UBND thị trấn Kon Dơng	396			396	-		396		UBND xã Mang Yang	
3	Hỗ trợ đất sản xuất xã Đak Djrăng		23			23	23		-		UBND xã Mang Yang	
4	Hỗ trợ nhà ở xã Đê Ar	372/QĐ-UBND, ngày 17/3/2025	836			836	-		836		UBND xã Lơ Pang	
5	Hỗ trợ nhà ở xã Lơ Pang	372/QĐ-UBND, ngày 17/3/2025	616			616	-		616		UBND xã Lơ Pang	
6	Hỗ trợ nhà ở xã Kon Thup	2148/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024	1.188			1.188	-		1.188		UBND xã Lơ Pang	
7	Hỗ trợ đất ở xã Kon Thup		44			44	-		44		UBND xã Lơ Pang	
8	Hỗ trợ nhà ở xã Kon Thup.	2542/QĐ-UBND, ngày 28/11/2024	352			352	-		352		UBND xã Lơ Pang	
9	Hỗ trợ nhà ở 182 hộ (Kon chiêng 148 hộ, Đak Trôi 34 hộ)		8.008			8.008	-		8.008		UBND xã Kon Chiêng	
10	Dự án hỗ trợ nhà ở xã Hra	18/QĐ-UBND ngày 25/2/2025	1.584			3.080	840		2.240		UBND xã Hra	
11	Hỗ trợ nhà ở Xã Ayun cũ	2770/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	3.212			3.212	1.260		1.952		UBND xã Ayun	
12	Hỗ trợ đất ở xã Đak Jo Ta cũ		44			44	-		44		UBND xã Ayun	
13	Hỗ trợ nhà ở Xã Đak Jo Ta cũ	2770/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	2.332			2.332	44		2.288		UBND xã Ayun	
	Huyện Đức Cơ					3.300	-	-	3.300			
1	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Dok (32 hộ)	63/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	1.408			1.408	-		1.408	UBND Huyện Đức Cơ	UBND xã Ia Dok	
2	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Kla (5 hộ)	52/QĐ-UBND ngày 15/05/2025	220			220	-		220		UBND xã Ia Dok	
3	(Hỗ trợ nhà ở) xã Ia Lang (06 hộ).		264			264	-		264		UBND xã Ia Krêl	
4	(Hỗ trợ nhà ở) xã Ia Krêl(06 hộ).		704			704	-		704		UBND xã Ia Krêl	
5	Hỗ trợ nhà ở xã Ia Pnôn, 16 hộ		-			704	-		704		UBND xã Ia Pnôn	
b)	Dự án 2: Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư											
	Huyện Đức Cơ		88			88	88			UBND huyện Đức Cơ	UBND xã Ia Pnôn	
	Huyện Chư Prông											
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới xã Ia Púch	2381/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	42.087			42.087	24.327		17.760	BQLDA ĐTXD huyện Chư Prông	UBND xã Ia Púch	
	Huyện Krông Pa											
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ thiếu số du canh, du cư buôn Ma Giai, xã Đát Bắmg		10.120			8.167	6.895		1.272	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS & MN											

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTDT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
	Thành phố Pleiku					4.270	4.270	-	-			
1	Dự án: Đường giao thông nội đồng làng Kó	QĐ số 1835/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	1.000			1.000	1.000		-	UBND Thành phố Pleiku	UBND xã Biển Hồ	
2	Dự án: Đường giao thông nội thôn làng Iagri	QĐ số 1835/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	1.000			1.000	1.000		-		UBND xã Biển Hồ	
3	Dự án: Đường giao thông nội đồng làng Yar	QĐ số 1835/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	1.270			1.270	1.270		-		UBND xã Biển Hồ	
4	Dự án: Đường giao thông nội đồng làng Xóa	QĐ số 1835/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	1.000			1.000	1.000		-		UBND xã Biển Hồ	
	Huyện Chư Păh					23.048	23.048	-	-			
1	Đường giao thông Thị trấn Ia Ly		694			694	694		-	UBND Huyện Chư Păh	UBND xã Ia Ly	
2	Đường giao thông nội đồng xã Ia Mơ Nông		692			692	692		-		UBND xã Ia Ly	
3	Đường GT nội đồng xã Ia Kreng		50			50	50		-		UBND xã Ia Ly	
4	Công trình: Đường giao thông nội đồng làng Díp. Hạng mục: Nền, mặt đường và công tròn 3D150		530			530	530		-		UBND xã Ia Ly	
5	Công trình: Đường GT nội đồng Làng Doch 1 (Đường vào KVSX suối Ia Kram)		1.702			1.702	1.702		-		UBND xã Ia Ly	
6	Công trình: Cống thoát nước 3H150x150cm và đường dẫn 2 đầu cống (Đường vào KVSX 175ha làng Díp)		705			705	705		-		UBND xã Ia Ly	
7	Công trình: Đường GT nội đồng Làng Doch 1 (Đường vào KVSX suối Ia Dól)		1.750			1.750	1.750		-		UBND xã Ia Ly	
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Tơ Ver, xã Ia Khuol	QĐ 87/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	1.235			1.235	1.235		-		UBND xã Ia Khuol	
9	Đường giao thông làng Hde, xã Đăk Tơ Ver	49/QĐ-UBND ngày 15/04/2025	326	326		326	326				UBND xã Ia Khuol	
10	Đường giao thông liên làng Krăh - Làng Om, xã Đăk Tơ Ver	50/QĐ-UBND ngày 22/04/2025	903	903		903	903				UBND xã Ia Khuol	
11	Đường giao thông nội đồng làng Krăh, xã Đăk Tơ Ver	51/QĐ-UBND ngày 22/04/2025	710	710		710	710				UBND xã Ia Khuol	
12	Đường giao thông khu dân cư làng Tuêk, xã Đăk Tơ Ver	57/QĐ-UBND ngày 26/04/2025	1.139	1.139		1.139	1.139				UBND xã Ia Khuol	
13	Đường giao thông nội đồng làng Om, xã Đăk Tơ Ver	58/QĐ-UBND ngày 26/04/2025	1.097	1.097		1.097	1.097				UBND xã Ia Khuol	
14	Đường giao thông liên xã Đăk Tơ Ver - Hà Tây	61/QĐ-UBND ngày 05/05/2025	151	151		151	151				UBND xã Ia Khuol	
15	Đường giao thông làng Tơ Von 2		1.890	1.890		1.890	1.890				UBND xã Ia Khuol	
16	Đường giao thông làng Kon Sơ Lăh cũ		1.964	1.964		1.964	1.964				UBND xã Ia Khuol	
17	Đường giao thông làng Klên		700	700		700	700				UBND xã Ia Khuol	
18	Đường giao thông làng Rơ Vai		700	700		700	700				UBND xã Ia Khuol	
19	Đường giao thông làng Tơ Ver		647	647		647	647				UBND xã Ia Khuol	
20	Đường giao thông làng Tơ Von 2		700	700		700	700				UBND xã Ia Khuol	
21	Đường làng Kon Sơ Lăl		398	398		398	398				UBND xã Ia Khuol	
22	Đường giao thông làng Tum		235			235	235		-		UBND xã Ia Phí	
23	Đường giao thông xi măng làng Yút		750			750	750		-		UBND xã Ia Phí	
24	Đường giao thông xi măng làng Tum		443			443	443		-		UBND xã Ia Phí	
25	Đường giao thông xi măng làng Kênh		750			750	750		-		UBND xã Ia Phí	
26	Đường giao thông xi măng làng Prép		800			800	800		-		UBND xã Ia Phí	
27	Đường giao thông làng Bui		387			387	387		-		UBND xã Ia Phí	
28	Đường giao thông làng Bluk Blui		1.000			1.000	1.000		-		UBND xã Ia Phí	
	Huyện Chư Prông					6	6	-	-			
1	Đường giao thông nông thôn làng Tu 1. Hạng mục: Nền, mặt đường.		6			6	6		-	UBND Huyện Chư Prông	UBND xã Ia Pía	
	Huyện Chư Sê					1.972	1.422	-	550	UBND Huyện Chư Sê		
1	Dự án: Đường giao thông nông thôn làng Keo, dài 1539m	59/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	1.830			1.830	1.327		503	UBND Huyện Chư Sê	UBND xã Al Bá	
2	Dự án: Đường giao thông nông thôn làng Tung Ke, dài 95m	60/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	142			142	95		47		UBND xã Al Bá	
	Huyện Chư Puh					2.750	2.750	-	-			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
1	Đường nội đồng cánh đồng Thoah Ga (đoạn nối tiếp	1216/QĐ/UBND ngày 24/12/2025	600			600	600		-	UBND Huyện Chư Pưh	UBND xã Chư Pưh	
2	Đường giao thông từ đường liên xã tiếp giáp nhà ông Rah Lan Phương	1216/QĐ/UBND ngày 24/12/2025	144			144	144		-		UBND xã Chư Pưh	
3	Đường giao thông phía đông thôn Plei Lốp (lô2)	1216/QĐ/UBND ngày 24/12/2025	940			940	940		-		UBND xã Chư Pưh	
4	Đường GTNT Plei Thông A	1216/QĐ/UBND ngày 24/12/2025	483			483	483		-		UBND xã Chư Pưh	
5	Hệ thống mương thoát nước đường Plei Lao, thị trấn Nhơn Hòa	1216/QĐ/UBND ngày 24/12/2025	583			583	583		-		UBND xã Chư Pưh	
	Huyện Đắk Pơ					1.476	1.476	-	-			
1	Công trình giao thông làng Kuk Kôn, xã An Thành	66/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	714			714	714		-	UBND Huyện Đắk Pơ	UBND xã Đak Pơ	
2	Đường nội đồng làng Bung Tờ Sỏ, xã Ya Hôi	189/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	762			762	762		-		UBND xã Ya Hôi	
	Huyện Kbang					8.299	8.299	-	-			
1	Công trình: Đường từ đập tràn ra khu sản xuất làng Bôn (đoạn đập tràn đến đất ông Bô)	Số 74/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1.050			1.050	1.050		-	UBND Huyện Kbang	UBND xã Kbang	
2	Đường nội đồng làng Bờ - Chư Pâu: Tuyến từ nhà ô. Hùng ra khu sản xuất, Tuyến từ nhà bà Than ra khu sản xuất,	Chưa phê duyệt HS	580			580	580		-		UBND xã Tơ Tung	
3	Đường nội đồng làng Bờ - Chư Pâu: Tuyến từ nhà Ô. Gân ra KSX	Chưa phê duyệt HS	500			500	500		-		UBND xã Tơ Tung	
4	Nội làng Dong: từ nhà Ô Yut đến hết đất ô Ki; đoạn làng Dong đi làng MoHra	Chưa phê duyệt HS	900			900	900		-		UBND xã Tơ Tung	
5	Nội đồng làng MoHra - Đáp: Tuyến từ Đất ô Tân ra KSX; Tuyến từ Nhà B. Hai (cuối BTXM) ra KSX	Chưa phê duyệt HS	572			572	572		-		UBND xã Tơ Tung	
6	Đường đi khu sản làng Kiếch (giáp đường bê tông liên xã đi khu sản xuất xóm Adrong); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	113/QĐ-UBND (24/03/2025)	1.234			1.234	1.234		-		UBND xã Krong	
7	Nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xã Đắk Rong	chưa phê duyệt	972			600	600		-		UBND xã Đak Rong	
8	Đường nội làng Đắk Lơ Nhang; Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	28/QĐ - UBND ngày 13/03/2025	563			563	563		-		UBND xã Đak Rong	
9	Thủy lợi Đak Hlìm	58/QĐ-UBND ngày 13/06/2024	300			300	300		-		UBND xã Đak Rong	
10	Đường từ trung tâm xã Sơ Pai đi xã Đăk Smar	169/QĐ-UBND 28/12/2023	9.900			760	760				UBND xã Kbang	
11	Đường từ xã Đông đi Kông Long Khong, Kông Bờ La	170/QĐ-UBND 28/12/2023	6.600			1.240	1.240				UBND xã Kông Bờ La	
	Huyện Kông Chro					24.454	24.454	-	-			
1	Đường giao thông nội TDP Plei Nghe		465			465	465		-	UBND Huyện Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
2	Đường nội đồng làng Tnang		481			481	481		-		UBND xã Kông Chro	
3	Đường nội làng Rong Tnia		2.500			2.500	2.500		-		UBND xã Kông Chro	
4	Đường nội làng và đi khu sản xuất làng Vơn	91/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	1.330			1.330	1.330		-		UBND xã Kông Chro	
5	Đường D3	90/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	236			236	236		-		UBND xã Kông Chro	
6	Trạm y tế xã		229			229	229		-		UBND xã Ya Ma	
7	Đường nội đồng làng Brăng		880			880	880		-		UBND xã Ya Ma	
8	Nhà văn hoá xã Đăk Tơ Pang		1.060			1.060	1.060		-		UBND xã Ya Ma	
9	Đường nội đồng làng Sơ Kiết	100/QĐ-UBND ngày 20/06/2025	1.061			1.061	1.061		-		UBND xã Chư Krey	
10	Đường nội đồng làng Lơ Pơ	51/QĐ-UBND ngày 24/06/2025	1.849			1.849	1.849		-		UBND xã Chư Krey	
11	Sân vận động trung tâm xã	Số:65/QĐ-UBND, ngày 30/6/2025	2.000			2.000	2.000		-		UBND xã Sró	
12	Đường nội đồng làng Htiên		1.228			1.228	1.228		-		UBND Xã SRó	
13	Trường Mần non 19/5	Số:154/QĐ-UBND, ngày 16/12/2023	1.537			1.537	1.537		-		UBND Xã SRó	
14	Đường nội làng Nhang Lớn, Htiên, Hrách		1.764			1.764	1.764		-		UBND xã Sró	
15	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân	Số 127/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	2.400			2.400	2.400				UBND xã Đăk Song	
16	Trường Mầm non Hòa Bình	Số 127/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	600			600	600				UBND xã Đăk Song	
17	Nhà rồng văn hóa 03 làng: Krắc, Kte - Kchăng, Hôn - Kiết	Số 127/QĐ-UBND ngày 26/6/2027	1.200			1.200	1.200				UBND xã Đăk Song	
18	Đường nội làng Kiết - H'ôn	Số 127/QĐ-UBND ngày 26/6/2028	434			434	434				UBND xã Đăk Song	
19	Đường nội thôn Thôn 3	Số 127/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	2.000			2.000	2.000		-		UBND xã Chơ Long	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
20	Đường giao thông nội làng Tépé		1.200			1.200	1.200		-		UBND xã Chơ Long	
	Huyện Phú Thiện					4.462	4.462	-	-			
1	Dự án 4: xã Ia Yeng	QĐ số 230/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện	1.829			1.829	1.829		-	UBND Huyện Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
2	Dự án 4: xã Ia Piar	QĐ số 230/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện	201			201	201		-		UBND xã Phú Thiện	
3	Dự án 4: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã Chư A Thai (cũ)	QĐ số 230/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện	1.829			1.829	1.829		-		UBND xã Chư A Thai	
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng (xã Ia Ake cũ)	QĐ số 230/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện	100			100	100		-		UBND xã Chư A Thai	
5	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng (Xã Ayun Hạ cũ)	QĐ số 230/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện	201			201	201		-		UBND xã Chư A Thai	
6	Dự án 4: xã Chrôh Poman		201			201	201		-		UBND xã Ia Hiao	
7	Dự án 4: xã Ia Hiao		100			100	100		-		UBND xã Ia Hiao	
	Huyện Ia Pa					13.125	13.125	-	-			
1	Đường cấp phối ra khu sản xuất thôn Bì Gia, xã Pờ Tó (đoạn từ khu dân thôn Bì Gia đến suối Đăk Pờ Tó)	110/QĐ-UBND 25/11/2024	1.477			1.477	1.477		-	UBND Huyện Ia Pa	UBND xã Pờ Tó	
2	Đường cấp phối ra khu sản xuất thôn Bì Gia, xã Pờ Tó (đoạn từ Đường tràn Bì Giông đến khu dân cư thôn Bì Gia)	111/QĐ-UBND 03/12/2024	707			707	707		-		UBND xã Pờ Tó	
3	Xã Chư Răng		788			788	788		-		UBND xã Pờ Tó	
4	Xã Pờ Tó		826			826	826		-		UBND xã Pờ Tó	
5	Đường bê tông nội đồng Bôn Trôk, xã Ia Trôk (Đoạn nối tiếp bê tông đi qua kênh B22-5)	86/QĐ-UBND, ngày 10/5/2024	612			104	104		-		UBND xã Ia Pa	
6	Đường bê tông nội đồng Bôn Trôk, xã Ia Trôk (Nhánh 1: Đoạn nối tiếp đường bê tông đi qua trạm bơm cũ; Nhánh 2: Đoạn từ đường bê tông cũ đi kênh B22-5)	87/QĐ-UBND, ngày 10/5/2024	592			592	592		-		UBND xã Ia Pa	
7	Xã Chư Mố		870			870	870		-		UBND xã Ia Tul	
8	Xã Ia Broái		3.100			3.100	3.100		-		UBND xã Ia Tul	
9	Xã Ia Kđăm		3.098			3.098	3.098		-		UBND xã Ia Tul	
10	Đường nội đồng liên xã (Từ thôn Plei Toan, xã Ia Kđăm đi đến giáp đường liên xã Đông bên mòng đoạn Bôn Tơ Khế, xã Ia Tul)	44/QĐ-UBND, ngày 05/5/2023	11.200			1.563	1.563				UBND xã Ia Tul	
	Huyện Krông Pa					38.251	35.802	-	2.449			
1	Mở rộng Đường giao thông nội thôn buôn Djrét, xã Chư Ngoc		1.159			1.159	1.159		-		UBND xã Phú Túc	
2	Mở rộng đường giao thông liên thôn buôn Djrét - thôn Thông Nhất xã Chư Ngoc		2.000			2.000	2.000		-		UBND xã Phú Túc	
3	Mở rộng mặt đường khu trung tâm xã; Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		3.235			3.235	3.235		-		UBND xã Phú Túc	
4	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND xã Đăk Bông cũ thành Trường mẫu giáo Hoa Lan; Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo dãy nhà 02 tầng và các hạng mục phụ		-			3.099	3.099		-		UBND xã Phú Túc	
5	Trường Tiểu học xã Ia Rmok	54/QĐ-UBND ngày 13/03/2025	2.300			2.300	2.300		-		UBND xã Ia Dreh	
6	Trường THCS Ngô Quyền; Hạng mục: Xây dựng mới hàng rào và nhà bảo vệ	54/QĐ-UBND ngày 13/03/2025	149			102	102		-		UBND xã Ia Dreh	
7	Đường giao thông nông thôn buôn Blăk (Đoạn từ ngã 3 đường Trường Sơn Đông đến đất ông Ma Ước)	54/QĐ-UBND ngày 13/03/2025	600			600	600		-		UBND xã Ia Dreh	
8	Đường vào khu sản xuất Buôn Nông Siu (Đoạn từ đất rẫy Ama Boi đến đất rẫy Ama Trung)	54/QĐ-UBND ngày 13/03/2025	438			438	125		313		UBND xã Ia Dreh	
9	Đường nội thôn xã Ia Dreh (Buôn Chờ Tung).	54/QĐ-UBND ngày 13/03/2025	2.276			2.028	2.028		-		UBND xã Ia Dreh	
10	Đường nội thôn xã Ia Dreh (Buôn Chờ Tung, Buôn Hdreh, Buôn Kơ Jing)	54/QĐ-UBND ngày 13/03/2025	911			911	911		-		UBND xã Ia Dreh	
11	Đường GT nội thôn buôn Ji (Buôn Ji A)	Số 41/QĐ-UBND, ngày 29/04/2025	845			423	423		-		UBND xã Ia Dreh	
12	Đường GT nội thôn buôn Ji (Buôn Ji B)	Số 40/QĐ-UBND, ngày 29/04/2025	365			182	182		-		UBND xã Ia Dreh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
13	Đường GT nội thôn buôi Jú	Số 39/QĐ-UBND, ngày 29/04/2025	470			235	235		-	UBND Huyện Krông Pa	UBND xã Ia Dreh	
14	Đường GT liên thôn buôi Buôn Ji đi Ia Hly (Đoạn Cuối Buôn Tăng cũ đi vào buôn Tỏi	Số 38/QĐ-UBND, ngày 29/04/2025	1.536			831	831		-		UBND xã Ia Dreh	
15	Công trình: Đường giao thông nội thôn buôn Blăk (Dự kiến)		-			2.136	-		2.136		UBND xã Ia Dreh	
16	Chưa phân bổ xã Ia Dreh					1.840	1.840				UBND xã Ia Dreh	
17	Đường giao thông nội thôn Chư Jú, xã Ia Rsai; Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	132/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	2.451			2.451	2.451		-		UBND xã Ia Rsai	
18	Đường giao thông nội thôn khu tái định cư buôn Puh Chik, xã Ia Rsai; Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	131/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	692			692	692		-		UBND xã Ia Rsai	
19	Đường GTNT đi nghĩa trang thôn Quỳnh Phụ (Đoạn từ nhà ông Ngô Văn Hiệp đến nghĩa trang), xã Ia Rsai; Hạng mục: Mở rộng nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước		730			730	730		-		UBND xã Ia Rsai	
20	Đường GTNT khu sạt lở 4 buôn, xã Ia Rsai; Hạng mục: Đường BTXM và các hạng mục phụ		278			278	278		-		UBND xã Ia Rsai	
21	Đường GTNT xã Ia Rsai (Đoạn từ nhà ông Chu Đức Dục đi khu sản xuất); Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		1.450			1.450	1.450		-		UBND xã Ia Rsai	
22	Đường GTNT thôn Mới và buôn H'Lang, xã Ia Rsai (Đoạn QL 25 đi khu dân cư và đoạn nhà ông Phạm Văn Thiêm đến nhà ông Đỗ Thanh Sang); Hạng mục: Mở rộng nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước		470			470	470		-		UBND xã Ia Rsai	
23	Đường GTNT buôn Chư Bang và buôn Ma Rok, xã Ia Rsai; Hạng mục: Mở rộng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước		930			930	930		-		UBND xã Ia Rsai	
24	Đường giao thông nông thôn buôn H'Lang và thôn Mới; Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước.	82/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	2.643			1.103	1.103		-		UBND xã Ia Rsai	
25	Mở rộng mặt đường trước nhà Văn Hoá thôn Sông Ba (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Tư đến nhà Nguyễn Văn Khoa) – Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước		457			457	457		-		UBND xã Ia Rsai	
26	Đường giao thông nông thôn buôn Tơ Nia; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	03/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	1.334			565	565		-		UBND xã Ia Rsai	
27	Đường giao thông nội thôn Buôn Chư Krih, xã Chư Drăng (từ nhà Ma Bình đến đất nhà Ma Hội từ đất Ma Triệu đến nhà Mí Chuông	Số Quyết định 54 QĐUBND ; ngày 24 tháng 03 năm 2025 phê duyệt	764			764	764		-		UBND xã Uar	
28	Mở rộng mặt đường giao thông nội thôn Buôn Chư Krih, xã Chư Drăng (04 nhánh)	Số Quyết định 48 QĐUBND ; ngày 21 tháng 03 năm 2025 phê duyệt	1.295			1.295	1.295		-		UBND xã Uar	
29	Đường giao thông nội thôn Buôn Chư Krih, xã Chư Drăng (đoạn từ đất nhà Ma ty đến đất Oi Đa)	Số Quyết định 54 QĐUBND ; ngày 13 tháng 03 năm 2025 phê duyệt	1.085			736	736		-		UBND xã Uar	
30	Đường nội thôn Huy Hoàng (Đoạn từ đường bê tông vào khu sản xuất thôn Huy Hoàng đến đường Đông Trường Sơn)	Số 02/QĐ-UBND ngày 17/04/2025	1.440			720	720		-		UBND xã Uar	
31	Đường nội thôn Buôn Toát (Đoạn từ QL 25 đến đường Đông Trường Sơn)	Số 03/QĐ-UBND ngày 17/04/2025	676			338	338		-	UBND xã Uar		
32	Đường nội thôn Quỳnh Phú (3 nhánh)	Số 04/QĐ-UBND ngày 17/04/2025	1.012			521	521		-	UBND xã Uar		
33	Đường liên thôn buôn Ngol đi thôn Thanh Bình	Số Quyết định 49 QĐUBND ; ngày 21 tháng 03 năm 2025 phê duyệt	1.334			565	565		-	UBND xã Uar		
34	Chưa phân bổ xã Uar					2.667	2.667			UBND xã Uar		
	Huyện Đak Đoa					13.993	13.993	-	-			
1	Đường giao thông nông thôn thôn Ngol. Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	2286/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	224			224	224		-		UBND xã Đak Đoa	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTDT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
2	Đường giao thông nông thôn thôn Klót	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 17/10/2022; 2286/QĐ-UBND ngày 28/06/2025; 2652/QĐ-UBND ngày 26/12/2023;	4.134			4.134	4.134		-	UBND Huyện Đak Đoa	UBND xã Kon Gang	
3	Đường GTNT xã Kon Gang		663			663	663		-		UBND xã Kon Gang	
4	Dự án 4: Đường giao thông nông thôn thôn Brong Goai	2286/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	523			523	523		-		UBND xã Ia Bắ	
5	Đường giao thông nông thôn làng A Dok Kông, xã Ia Bắ		2.480			2.480	2.480		-		UBND xã Ia Bắ	
6	Xã Trang	2286/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	443			443	443		-		UBND xã KDang	
7	Xã KDang	2286/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	443			443	443				UBND xã KDang	
8	Xã Hà Đông (cũ)					2.540	2.540		-		UBND xã Đak Somei	
9	Xã Đak Somei (cũ)					2.543	2.543		-		UBND xã Đak Somei	
	Huyện Mang Yang					11.827	11.827	-	-		UBND Huyện Mang Yang	UBND xã Mang Yang
1	Công trình đường làng Đê Ron		997			997	997		-	UBND xã Lơ Pang		
2	Đường BTXM nội làng Đê Tur gồm:Đoạn nối tiếp đường BTXM xây dựng năm 2024 từ nhà ông Arê làng Đê Tur đến đường bê tông khu tập thể kho 897, L= 74m; Đoạn đầu nối tỉnh lộ 666 (nhà ông Chól) làng Đê Tur đến đường BTXM trước nhà rẫy của bà Nguyễn Kim Minh Lệ, L=490m	Số QĐ: 35/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND thị trấn Kon Dơng	649			649	649		-	UBND xã Mang Yang		
3	Đường BTXM làng Ar Quát, xã Đê Ar	372/QĐ-UBND ngày 17/03/2025	1.079			1.079	1.079		-	UBND xã Lơ Pang		
4	Công trình chưa mở mã dự án (Đầu tư xây dựng trường tiểu học xã Lơ Pang)	2770/QĐ-UBNDngày 23/12/2024 và QĐ 1236/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	2.326			2.326	2.326		-	UBND xã Lơ Pang		
5	Đường BTXM nội làng Toak (từ bếp CD của làng gặp nhà ông Reo vòng gặp đường BT làng Tar và đoạn từ nhà ông Djơnh đến nhà ông Hrip)	24B/QĐ-UBND ngày 29/03/2024	600			600	600		-	UBND xã Kon Chiêng		
6	Đầu tư xây dựng tuyến đường đi khu sản xuất làng Đak Bết	37/QĐ-UBND ngày 01/04/2024	962			962	962		-	UBND xã Kon Chiêng		
7	Đầu tư xây dựng tuyến đường đi khu sản xuất làng Tobla	30/QĐ-UBND ngày 18/04/2025	864			864	864		-	UBND xã Kon Chiêng		
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường nội làng Đak Bớt	29/QĐ-UBND ngày 03/04/2025	1.378			1.378	1.378		-	UBND xã Kon Chiêng		
9	Công trình:Trường TH & THCS Đak Jơ Ta	41/QĐ-UBND ngày 08/04/2024	1.176			1.176	1.176		-	UBND xã Ayun		
10	Công trình:Trường Mẫu giáo Đak Jo Ta (trường chính)	22/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	724			724	724		-	UBND xã Ayun		
11	Công trình: Nâng cấp đường bê tông GTNT từ trung tâm xã đến làng ĐêBơTok.	21/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	1.072			1.072	1.072		-	UBND xã Ayun		
	Huyện Ia Grai					763	763	-	-			
1	Xây dựng mới đường giao thông làng Dun De (Đoạn từ nhà Rơ Chăm Kênh đến nhà Rơ Chăm Hyih) -Ia Bắ	45/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.515			763	763		-	UBND Huyện Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
	Huyện Đức Cơ					7.086	5.942	-	1.144			
1	Đường giao thông làng Krai (Nhánh 1 từ đường chính bên cạnh nhà sinh hoạt cộng đồng làng Krai đến khu nhà dân (Rơ Lan Biếu) Nhánh 2 Từ đường chính xuống nhà mã giọt nước)	280/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	862			862	862		-	UBND Huyện Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
2	Sửa chữa, cải tạo và cơ sở vật chất trạm y tế xã	278/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	400			400	400		-		UBND xã Đức Cơ	
3	Tên Dự ánĐường giao thông nội làng Lang (Từ nhà Rơ Mah Dô qua nhà Siu Lân đến điểm cuối tại nhà Siu Ít)	172/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	804			804	804		-		UBND xã Ia Dok	
4	Đường giao thông làng Gào	228/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	2.200			2.200	2.200		-		UBND xã Ia Krêl	
5	Đường giao thông nội làng Ngo Rông	274/QĐ-UBND	914			914	914		-		UBND xã Ia Krêl	
6	Đường giao thông vào nghĩa địa chung làng Néh	147/QĐ-UBND, ngày 19/12/2023	1.040			212	212		-		UBND xã Ia Krêl	
7	Đường giao thông nội đồng làng Yít Tú (Đoạn từ lô cao su 39, Đội 7, Công ty 75 đến tiếp giáp đất nhà ông Rơ Lan Xem)	266/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024	1.794			1.344	200		1.144		UBND xã Ia Krêl	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
8	Mương thoát nước dọc đường tuyến II làng Tung (Từ nhà Rơ Lan H 'Xinh đến nhà ông Hiệt)		-			350	350		-		UBND xã Ia Nan	
c)	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch											
	Huyện Chư Păh					300	300			UBND huyện Chư Păh	UBND xã Ia Phí	
	Huyện Chư Prông					1.176	1.176	-	-			
1	Đường giao thông làng La	198/QĐ - UBND ngày 03/12/2024	756			756	756		-	UBND Huyện Chư Prông	UBND xã Ia Boong	
2	Đường Giao thông làng Khor	253/QĐ - UBND ngày 28/11/2024	410			410	410		-		UBND xã Ia Boong	
3	Chưa phân bổ					10	10		-		UBND xã Ia Boong	
	Huyện Chư Pưh					979	618	-	361			
1	Nhà văn hóa thôn Plei Lao	1216/QĐ/UBND ngày 24/12/2025	230			230	149		82	UBND Huyện Chư Pưh	UBND xã Chư Pưh	
2	03 khu thể thao làng Kuai	41a/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	99			58	23		34		UBND xã Ia Le	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Lũh Ngó		230			230	149		82		UBND xã Ia Hrú	
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tong Yơng		230			230	149		82		UBND xã Ia Hrú	
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Plei Dư		230			230	149		82		UBND xã Ia Hrú	
	Huyện Kbang					2.940	2.940	-	-			
1	Tu bổ di tích lịch sử quốc gia nhà lưu niệm Anh Hùng Núp thuộc làng kháng chiến S'Tor tại xã Tơ Tung, tỉnh Gia Lai		2.602			2.602	2.602		-	UBND Huyện Kbang	UBND xã Tơ Tung	
2	công trình: Nâng cấp, cải tạo nhà rông làng Đăk A Sêl, xã Sơn Lang; Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo nhà rông và các hạng mục khác		1.200			338	338		-		UBND xã Sơn Lang	
	Huyện Kông Chro					445	445	-	-			
1	Xã Yang Nam	92/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	227			227	227		-	UBND Huyện Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
2	Xã Chơ GLong		227			218	218		-		UBND xã Chơ Long	
	Huyện Ia Pa					38	38	-	-			
1	Xã Chư Răng		19			19	19			UBND Huyện Ia Pa	UBND xã Pờ Tó	
2	Xã Ia Broái		19			19	19		-		UBND xã Ia Tul	
	Huyện Krông Pa					5.044	4.731	-	313			
1	Nhà văn hoá - khu thể thao buôn Chư Bàng xã Chư Gu, buôn Dư xã Chư Răcm, thôn Hưng Phú xã Ia Rsum, buôn Ia Jíp xã Chư Drăng, buôn Ia Rnho xã Đát Bàng, buôn Djrét xã Chư Ngọc và buôn Ia Hly xã Krông Năng	QĐ 54/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND huyện Krông Pa	3.044			3.044	2.731		313	UBND Huyện Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
2	Nhà văn hoá - khu thể thao buôn Sai xã Chư Ngọc, buôn Ma Giai xã Đát Bàng, buôn Ia Soá xã Krông Năng, buôn HDreh xã Ia Dreh, buôn Thành Công xã Chư Drăng.	QĐ 219/QĐ-UBND ngày 4/12/2024của UBND huyện Krông Pa	2.000			2.000	2.000		-		UBND xã Ia Dreh	
	Huyện Đăk Đoa					667	667	-	-			
1	Cải tạo duy tu nhà văn hoá thôn Dj rông		159			159	159		-	UBND Huyện Đăk Đoa	UBND xã Ia Bàng	
2	Xã Hà Đông (cũ)		-			350	350		-		UBND xã Đak Somei	
3	Xã Đak Somei (cũ)		-			159	159		-		UBND xã Đak Somei	
	Huyện Mang Yang					258	158	-	100			
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Kon Chiêng	51/QĐ-UBND ngày 29/09/2023	300			258	158		100	UBND Huyện Mang Yang	UBND xã Kon Chiêng	
	Huyện Đức Cơ					118	-	-	118			
1	Công, sân, nhà vệ sinh, giếng khoan và hàng rào khuôn viên Nhà văn hóa làng Yít Rông 2, xã Ia Dìn.	871/QĐ-UBND ngày 6/5/2025	550			118	-		118	UBND Huyện Đức Cơ	UBND xã Ia Krêl	
e)	Dự án 10: Trường thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN											
	Huyện Chư Păh					1.137	1.137	-	-			
1	Dự án 10: Trường thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN		-			1.137	1.137		-	UBND Huyện Chư Păh	UBND xã Ia Phí	
	Huyện Chư Pưh					243	243	-	-			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
1	Tiểu dự án 2 - Dự án 10: Dự án phòng văn hóa, khoa học và thông tin đã hoàn thành thực hiện trên địa bàn xã Ia Phang và xã Ia Hrú trước sáp nhập	173/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	243			243	243		-	UBND Huyện Chư Puh	UBND xã Ia Hrú	
	Huyện Đắk Pơ					332	332	-	-			
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐBDT TS và MN	69/QĐ-UBND ngày 03/3/2025	109			109	109		-	UBND Huyện Đắk Pơ	UBND xã Đắk Pơ	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐBDT TS và MN	69/QĐ-UBND ngày 03/3/2026	67			67	67		-		UBND xã Đắk Pơ	
3	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐBDT TS và MN	69/QĐ-UBND ngày 03/3/2027	111			111	111		-		UBND xã Đắk Pơ	
4	Ứng dụng công nghệ thông tin xã Ya Hội năm 2024					45	45		-		UBND xã Ya Hội	
	Huyện Kông Chro					3.053	3.053	-	-			
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Thị trấn Kông Chro					9	9	-	-	UBND Huyện Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
2	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN xã Yang Trung					5	5	-	-		UBND xã Kông Chro	
3	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN xã Yang Nam					24	24	-	-		UBND xã Kông Chro	
4	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Thị trấn Kông Chro					353	353	-	-		UBND xã Kông Chro	
5	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Yang Trung					176	176	-	-		UBND xã Kông Chro	
6	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Yang Nam					117	117	-	-		UBND xã Kông Chro	
7	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Kông Yang					530	530		-		UBND xã Ya Ma	
8	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Đắk Tơ Pang					116	116				UBND xã Ya Ma	
9	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Ya Ma					117	117				UBND xã Ya Ma	
10	Cung cấp thiết bị cho điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin					261	261				UBND xã Ya Ma	
11	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã An Trung					530	530				UBND xã Chư Krey	
12	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Chư Krey					117	117				UBND xã Chư Krey	
13	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Đắk Kơ Níng					117	117				UBND xã Sró	
14	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã SRó					116	116				UBND xã Sró	
15	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Đắk Pling					116	116				UBND xã Đắk Song	
16	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Đắk Song					116	116				UBND xã Đắk Song	
17	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Đắk Pơ Pho					117	117				UBND xã Chơ Long	
18	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Xã Chơ Glong					116	116				UBND xã Chơ Long	
	Huyện Đắk Đoa					1.056	1.056	-	-			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
1	Đầu tư điểm hỗ trợ ứng dụng CNTT thôn Ngol. Hạng mục: Mua sắm trang thiết bị	2286/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	252			252	252		-	UBND Huyện Đắk Đoa	UBND xã Đak Đoa	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN)	Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	212			212	212		-		UBND xã Kon Gang	
3	Dự án 10: Trường thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN		520			520	520		-		UBND xã Ia Bông	
4	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN		212			72	72		-		UBND xã KDang	
g)	Vốn chưa phân bổ											
1	Thị xã An Khê					6	6			UBND Thị xã An Khê	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
2	Huyện Phú Thiện					264			264	UBND Huyện Phú Thiện	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
3	Huyện Mang Yang					17			17	UBND Huyện Mang Yang	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					216.821	173.010	-	43.811			
II.1	Danh mục, dự án điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025					126.182	84.736	-	41.446			
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường liên xã Tân Bình, KDang đi Kon Gang					3.000			3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên Quốc lộ 19 (đoạn từ thị trấn Đak Đoa đi qua xã Tân Bình và xã KDang, L=16,8km)					7.000			7.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
3	Xây dựng thí điểm mô hình Trung tâm thu mua – cung ứng nông sản an toàn cấp huyện					13.500	13.500			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Mang Yang	UBND xã Lơ Pang	
4	Trung tâm Văn hóa- thể thao huyện Kbang					21.375	17.500		3.875	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
5	Dự án phát triển du lịch cộng đồng làng Mơ Hra, xã Kông Long Khong, huyện Kbang					11.000	10.000		1.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kbang	UBND xã Tơ Tung	
6	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành, xã Ia Dreng					4.500			4.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Puh	UBND xã Ia Hrú	
7	Trường Tiểu học Lê Văn Tám, xã Ia Hla					6.269			6.269	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Chư Puh	UBND xã Ia Ko	
8	Trường tiểu học và Lương Thế Vinh, xã Ya Hội; hạng mục: Nhà đa năng, 01 tầng và các hạng mục phụ					6.000			6.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Pơ	UBND xã Ya Hoi	
9	Đường giao thông nông thôn xã Cư An, xã Tân An					4.723			4.723	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Pơ	UBND Phường An Bình	
10	Nhà thi đấu đa năng huyện Phú Thiện					19.571	16.800		2.771	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Thiện	UBND Xã Phú Thiện	
11	Điện chiếu sáng công lộ trên địa bàn huyện Phú Thiện					9.100	9.100			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Thiện	UBND Xã Phú Thiện	
12	Nghĩa trang nhân dân huyện Phú Thiện					4.585	4.585			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Thiện	UBND Xã Phú Thiện	
13	Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Ia Peng và Ia Hiao					2.970	1.609		1.361	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Thiện	Xã Ia Hiao	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
14	Trường THCS Ngô Gia Tự xã Ia Vê. Hạng mục: Nhà 03 tầng (03 phòng học lý thuyết + 06 phòng học bộ môn) và các HMP.					8.000	8.000			Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Chư Prông	UBND xã Ia Pía	
15	Đường từ thị trấn Ia Kha đi đường liên huyện					4.589	3.642		947	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
1.2	Danh mục, dự án bổ sung					90.639	88.274	-	2.365			
	Huyện Đức Cơ											
1	Sửa chữa Nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, làng					1.059	1.059			UBND Huyện Đức Cơ	Xã Đức Cơ	
2	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn làng					1.015	1.015				Xã Ia Đok	
3	Điểm vui chơi người già trẻ em (6 thôn, làng)					1.200	1.200				Xã Ia Đok	
4	Cải tạo khuôn viên hội trường thôn Thanh Giáo					404	404				Xã Ia Krêl	
5	Đường trục thôn Thanh Giáo					121	121				Xã Ia Krêl	
	Huyện Khang											
1	Thủy lợi Lơ Vi					568	568			UBND Huyện Khang	UBND xã Khang	
2	Đường ra khu sản xuất Thôn 1 (Làng Cam)					1.489	1.489				UBND xã Khang	
3	Khu thể thao xã					300	300				UBND Xã Kông Bơ La	
4	Đường nội đồng (đường cầu treo đi làng Đăk Gia đến khu sản xuất trại ông Đông)					189	189				UBND Xã Kông Bơ La	
5	Đường vào khu sản xuất làng Klếch (đoạn từ rẫy ông Thor đi đến rẫy bà Thành)					308	308				UBND Xã Tơ Tung	
6	Đường vào khu sản xuất Đồng Tâm (đoạn từ cụm dân cư làng Leng 1 đi khu sản xuất)					308	308				UBND Xã Tơ Tung	
7	Đường ngõ xóm Trường Sơn (tuyến đường vào nhà bà Mã Thị Săm)					189	189				UBND Xã Tơ Tung	
8	Nội đồng làng Kgiang: Tuyến từ nhà ô. Dang đến đất ô. Khenh (Nối tiếp vốn CT NTM 2020); Tuyến Nhà ông Gét ra KSX					660	660				UBND Xã Tơ Tung	
9	Nội đồng làng Kgiang: Tuyến từ nhà ông Hòa ra khu sản xuất làng Kgiang.					700	700				UBND Xã Tơ Tung	
10	Tuyến đường từ ngã tư liên xã vào Tô số 2 làng Pơ Ngai (đất Ô. Nghi)					852	852				UBND Xã Tơ Tung	
11	Công trình: Đường đi khu sản xuất cánh đồng Kram (đoạn nhà ông Giám đi đến cánh đồng Kram); Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước					516	516				UBND xã Sơn Lang	
12	8149359: Đường đi khu sản xuất làng sêng (từ cuối đường bê tông đi khu sản xuất xóm Đăk Trầu)					1.600	1.600				UBND xã Krong	
13	Đường đi khu sản xuất làng Klu (nối tiếp tuyến đường DTTS&MN năm 2025 đi khu sản xuất xóm Lur); Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước					568	568				UBND xã Krong	
14	Đường đi khu sản xuất làng Đăk Bok (từ đầu xóm Đăk ChCầu đi khu sản xuất đầm suối Cúc, suối Hnăng, suối Krong)					1.648	1.648				UBND Xã Krong	
	Huyện Mang Yang											
1	Công trình đầu tư chợ Kon Thup					3.250	3.250			UBND Huyện Mang Yang	Xã Lơ Pang	
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Đak Trang					250	250				Xã Lơ Pang	
	Huyện Kông Chro											
1	Đường nội đồng làng Hra					1.597	1.597			UBND huyện Kông Chro	UBND Xã Ya Ma	
	Huyện Ia Grai											
1	Đường giao thông Làng Ngai Yỏ (Từ giáp đường nhựa hiện trạng đến đất sản thể thao làng Ngai Yỏ)					297	297				UBND xã Ia Grai	
2	Đường Giao thông nông thôn khu vực trung tâm xã, tuyến 2					1.594	1.594				UBND xã Ia Grai	
3	Đường giao thông nông thôn làng Ôrê 2 (đoạn từ nhà ông Rơ Mah Meng đến nhà ông Ksor Breh)					441	441				UBND xã Ia Grai	
4	Duy tu sửa chữa đường giao thông nông thôn làng Ôrê 1					400	400				UBND xã Ia Grai	
5	Trung tâm văn hóa - thể thao xã					4.000	4.000				UBND xã Ia Grai	
6	Xây dựng mới đường giao thông nông thôn làng Êch					300	300				UBND xã Ia Krái	
7	Sửa chữa, cải tạo đường giao thông nông thôn làng Êch					2.124	2.124				UBND xã Ia Krái	
8	Xây dựng mới đường giao thông nông thôn làng Nủ					802	802				UBND xã Ia Krái	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
9	Xây dựng mới đường GTNT làng Jrăng Blo (tuyến từ đầu đất Rơ Lan Nam đến Rơ Lan Thiêng)					100	100		UBND huyện Ia Grai	UBND xã Ia Krái		
10	Xây dựng mới đường GTNT làng Jrăng Krái (tuyến từ đầu đất Puih Bal đến hết ranh giới đất Rơ Lan Boat)					250	250			UBND xã Ia Krái		
11	Xây mới Mương thoát nước dọc 2 bên tuyến đường (đoạn từ Trường Mẫu giáo 10/3 đến đất Siu Phênh)					1.881	1.881			UBND xã Ia Krái		
12	Đường giao thông nông thôn làng Ó					866	866			UBND xã Ia Krái		
13	Đường giao thông làng Jek					220	220			UBND Xã Ia Hrungr		
14	Đường giao thông Làng Ngai Ngó (Đoạn từ nhà ông Nhân đến nhà ông Hoàn)					298	298			UBND Xã Ia Hrungr		
15	Sửa đường giao thông thôn Chư Hậu 5 (Đoạn từ ngã tư nhà ông Sinh đến ngã ba nhà ông Chiến)					300	300			UBND Xã Ia Hrungr		
16	Nhà văn hoá làng Bỏ					200	200			UBND Xã Ia Hrungr		
17	Nhà văn hoá thôn Lập Thành					436	436			UBND Xã Ia Hrungr		
18	Sửa chữa các tuyến đường giao thông làng Lang, làng Beng, làng Nủ I, làng Kom Ngó, làng Tang					2.500	2.500			UBND Xã Ia Chía		
19	Đường giao thông làng Bang					1.000	1.000			UBND Xã Ia Chía		
20	Đường giao thông nội làng De Chí, Ia Pếch					1.000	1.000			UBND Xã Gào		
21	Đường giao thông làng De Chí đi trung tâm xã Ia Pếch					1.000	1.000			UBND Xã Gào		
22	Đường giao thông làng Nang Long - O Sor đi trung tâm xã Ia Pếch					440	440			UBND Xã Gào		
23	Đường giao thông nội đồng làng De Chí, Ia Pếch					307	307			UBND Xã Gào		
24	Đường giao thông làng Ograng (đoạn nhà ông Bàn Hữu Tinh đến đất ông Lê Lệnh Oanh), Ia Pếch					240	240			UBND Xã Gào		
25	Đường giao thông nội làng Nang Long- O Sor, Ia Pếch					1.000	1.000			UBND Xã Gào		
26	Cơ sở hạ tầng Trung tâm y tế huyện					12.795	10.430	2.365		UBND xã Ia Grai		
	Huyện Phú Thiện											
1	Đường giao thông nông thôn thôn Plei Ksing, xã Ia Piar					631	631		UBND Huyện Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện		
2	Đường giao thông nông thôn thôn Plei Mìl và thôn Kế Tân, xã Ia Sol					654	654			UBND xã Phú Thiện		
3	Kênh nội đồng N7-3-3 thuộc cánh đồng Chư A Thai và N7-3-4-1 thuộc cánh đồng Klá					2.950	2.950			UBND xã Phú Thiện		
4	Mua sắm máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh của HTX nông nghiệp hữu cơ Phú Thiện (Xã Chư A Thai cũ)					2.730	2.730			UBND xã Chư A Thai		
5	Mua sắm máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh cho HTX nông sản an toàn Phú Thiện (Xã Chư A Thai cũ)					650	650			UBND xã Chư A Thai		
6	Đường giao thông nội đồng thôn Plei Lók, xã Ia Ake (Xã Ia Ake cũ)					484	484			UBND xã Chư A Thai		
7	Đường giao thông nông thôn thôn Plei Tàng, xã Ia Ake (Xã Ia Ake cũ)					570	570			UBND xã Chư A Thai		
8	Đường giao thông thôn Đoàn Kết (Xã Ayun Hạ cũ)					546	546			UBND xã Chư A Thai		
9	Đường giao thông nội đồng thôn Sô Ma Hang B và thôn Thống Nhất, xã Ia Peng					1.000	1.000			UBND xã Ia Hiao		
10	Đường giao thông nội đồng thôn Thống Nhất, xã Ia Peng					2.500	2.500			UBND xã Ia Hiao		
11	Đường giao thông nội đồng thôn Bình Trang, xã Ia Peng					450	450			UBND xã Ia Hiao		
12	Đường giao thông nội đồng Thanh Trang, xã Ia Peng					1.036	1.036			UBND xã Ia Hiao		
13	Đường giao thông nội đồng vào khu sản xuất của hợp tác xã thủy cầm Ia Peng Phú Thiện					2.590	2.590			UBND xã Ia Hiao		
14	Đường giao thông nông thôn thôn Chròh Ponan, xã Chròh Ponan					189	189			UBND xã Ia Hiao		
	Huyện Chư Păh											
1	Đường giao thông nội thôn 3					602	602			UBND xã Chư Păh		
2	Đường giao thông nội thôn (Xã Hòa Phú cũ)					602	602			UBND xã Chư Păh		
3	Đường giao thông làng Pôk					900	900			UBND xã Ia Khuról		
4	Đường giao thông làng Grút					900	900			UBND xã Ia Khuról		
5	Đường giao thông làng Broch					900	900			UBND xã Ia Khuról		
6	Đường giao thông làng Kách					900	900			UBND xã Ia Khuról		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương trong nước	ODA	Ngân sách tỉnh			
7	Đường giao thông làng Tơ Vón 1					552	552			UBND huyện Chư Păh	UBND xã Ia Khươl	
8	Đường giao thông thôn Tân Lập					360	360				UBND xã Ia Khươl	
9	Hỗ trợ Máy kéo nông nghiệp John Deere (Máy cày) tại Hợp tác xã Nông - Lâm nghiệp và Dịch vụ Đắk Tô Ver					1.230	1.230				UBND xã Ia Khươl	
10	Đường nội đồng Thôn 2					300	300				UBND xã Ia Phí	
11	Đường nội đồng Thôn 6					302	302				UBND xã Ia Phí	
12	Đường giao thông làng Mrông yố 2					1.350	1.350				UBND xã Ia Phí	
13	Đường giao thông làng Mrông Ngó 4					540	540				UBND xã Ia Phí	
14	Đường giao thông làng Bluk Blui					450	450				UBND xã Ia Phí	
15	Đường giao thông làng Mrông Yố 1					900	900				UBND xã Ia Phí	
16	Đường giao thông làng Jruăng					937	937				UBND xã Ia Phí	
17	Đường giao thông làng Rỏi					500	500				UBND xã Ia Phí	
18	Đường giao thông làng Roih					800	800				UBND xã Ia Phí	
19	Đường giao thông làng Kte					712	712				UBND xã Ia Phí	
20	Đường giao thông làng Óp					800	800				UBND xã Ia Phí	
21	Đường giao thông làng Lút					900	900				UBND xã Ia Phí	
22	Đường giao thông làng Yăng 2					800	800				UBND xã Ia Phí	
23	Đường giao thông thôn 6					1.350	1.350				UBND xã Biển Hồ	
24	Đường giao thông thôn 7					990	990				UBND xã Biển Hồ	
25	Chi mua Máy xúc đào bánh xích HUYNDAI HX75S (Hợp tác xã Nông nghiệp- Dịch vụ- Du lịch Chư Năm)					1.500	1.500				UBND xã Biển Hồ	

**ĐIỀU CHUYỂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIA LAI (TRƯỚC SẮP XẾP)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó Ngân sách huyện				
	TỔNG SỐ				5.595.395,981			
A	CÁC DỰ ÁN RÚT VỀ TỈNH				2.315.775,780			
I	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG				40.949			
I.1	Kế hoạch vốn theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025				367.421			
I.2	Kế hoạch điều chỉnh				-326.472			
a)	Điều chỉnh tăng				6.899			
	Thành phố Pleiku				247			
1	Đầu tư hạ tầng khu đất đã thu hồi tại số 53 Lý Nam Đế, phường Trà Bả (Khu đất thu hồi của công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai).				147	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
2	Đầu tư hạ tầng khu đất đã thu hồi tại số 614A đường Phạm Văn Đồng, phường Yên Thế				100	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
	Thị xã An Khê				2.000			
1	Các dự án bồi thường GPMB (hoàn ứng phát triển quỹ đất)				2.000	UBND thị xã An Khê	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Kbang				1.750			
1	Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng HĐND-UBND huyện				1.600	UBND huyện Kbang	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
2	Chuẩn bị đầu tư các công trình dự kiến khởi công mới năm 2026				150	UBND huyện Kbang	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Đak Đoa				2.902			
1	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới năm 2026, giai đoạn 2026-2030; thực hiện GPMB và nhiệm vụ phát sinh				2.902	UBND huyện Đak Đoa	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
b)	Điều chỉnh giảm				-17.812			
	Huyện Chư Sê				-17.812			
1	Bồi thường Hỗ trợ GPMB		17.812	17.812	-17.812	UBND huyện Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
c)	Điều chỉnh giảm các dự án do chuyển từ BQL Khu vực về xã				-315.559			
	Huyện Đak Đoa				-36.004			
1	Trụ sở HĐND-UBND xã Glar, huyện Đak Đoa	3068a/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	12.000	11.902	-11.774	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
2	Quảng trường huyện Đak Đoa	2537/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	12.000	11.789	-8.313	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
3	Đường Lê Lợi, thị trấn Đak Đoa	2917/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	6.400	5.760	-5.760	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
4	Đường Trần Phú, thị trấn Đak Đoa	2916/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	7.800	7.170	-7.170	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
5	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ xã Ia Băng	3029/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	3.600	3.000	-2.900	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Ia Băng	
6	Đường ra khu sản xuất cánh đồng làng Đê Somei, xã Đak Somei, huyện Đak Đoa	3030/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1.800	87	-87	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND Xã Đak Somei	
	Thị xã Ayun Pa				-31.218			
1	Trường tiểu học Chu Văn An	63/QĐ-UBND 05/12/2023	7.500	7.500	-6.509	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND xã Ia Rbol	
2	Trường THCS Phạm Hồng Thái	79/QĐ-UBND 26/12/2024	4.920	4.920	-3.218	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND xã Ia Rbol	
3	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	78/QĐ-UBND 26/12/2024	8.945	8.945	-6.027	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
4	Đường trục sản xuất thuộc đề án 5 bốn ĐBDTTS thuộc 4 phường trên địa bàn thị xã	80/QĐ-UBND 26/12/2024	11.461	11.461	-9.461	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chỉ tiêu đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
5	Hệ thống mương thoát nước Thương nghiệp cũ (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Đào Duy Từ)	82/QĐ-UBND 31/12/2024	2.500	2.500	-2.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
6	Sửa chữa các công trình năm 2025	11/QĐ-UBND 01/04/2025	1.154	1.154	-1.154	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
7	Trường mầm non Hoa Hồng	65/QĐ-UBND 14/12/2023	4.350	4.350	-2.350	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
	Huyện Chư Prông				-9.110			
1	Trường THCS Quang Trung xã Ia Me	1640/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	9.910	9.910	-9.110	BQLDA ĐTXD khu vực Chư Prông	UBND xã Ia Boòng	
	Huyện Phú Thiện				-17.613			
1	Trường Tiểu học Ngô Quyền (Địa điểm mới)	1188/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	12.500	12.500	-10.700	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
2	Cổng hợp tổ dân phố 9, 10 thị trấn Phú Thiện	1190/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.200	1.200	-240	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
3	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Hùng Vương, thị trấn Phú Thiện (giai đoạn 3)	1019/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	8.000	8.000	-3.890	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
4	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Chrôh Ponan	1802/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	4.200	4.200	-240	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Ia Hiao	
5	Cầu dân sinh thôn Đoàn Kết xã Ayun Hạ (qua kênh chính Ayun Hạ)	1803/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	2.100	2.100	-2.050	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Chư A Thai	
6	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Phú Thiện (Điểm QH mới)	1801/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	11.000	11.000	-493	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
	Huyện Kbang				-23.290			
1	Trung tâm Y Tế Huyện Kbang	1102/QĐ-UBND 15/12/2023	110.000	10.000	-2.450	Ban QL DA ĐTXD khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
2	Mương tiêu thủy thị trấn (đoạn Nguyễn Du đến đường Lê Văn Tám)	86/QĐ-UBND 29/10/2024	8.000	8.000	-8.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
3	Trường TH và THCS xã Sơ Pai	87/QĐ-UBND 29/10/2024	4.000	4.000	-4.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Kbang	UBND xã Sơn Lang	
4	Đường Lê Văn Tám, thị trấn Kbang (Cầu Lê Văn Tám- Đông Trường Sơn)	171/QĐ-UBND 28/12/2023	14.950	14.950	-8.840	Ban QL DA ĐTXD khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
	Huyện Chư Pưh				-12.186			
1	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ, xã Ia Le, huyện Chư Pưh	1255/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	4.500	4.500	-4.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Pưh	UBND xã Ia Le	
2	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh	1209/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	4.400	4.400	-4.400	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Pưh	UBND xã Chư Pưh	
3	Đập dâng Tao Ôr, xã Ia Rong, huyện Chư Pưh	1254/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	3.000	3.000	-3.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Pưh	UBND xã Ia Hrú	
4	Trường Tiểu học Lê Văn Tám, xã Ia Hla	1273/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	6.896	627	-286	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Pưh	UBND xã Ia Ko	
	Huyện Krông Pa				-140			
1	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn HV- NVT)	267/NQ-HĐND, ngày 29/05/2025	520	520	-140	Ban QL DA ĐTXD khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
	Huyện Ia Grai				-27.307			

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chỉ tiêu đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
1	Dự án Đường từ Tỉnh lộ 664 đi đường liên huyện	470/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; 3512/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	14.990	14.990	-8.857	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
2	Dự án Đường quy hoạch mở rộng thị trấn về phía Bắc	1239/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	14.500	14.500	-433	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
3	Đài tưởng niệm và nhà truyền thống xã Ia Hung	1763/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Ia Grai	1.600	1.600	-1.600	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Hung	
4	Nước sinh hoạt tự chảy làng Ngai Yố	1759/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	5.300	5.300	-4.030	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
5	Dự án Trường mẫu giáo 2/9 xã Ia O	1754/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	1.200	1.200	-1.200	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia O	
6	Dự án Trung tâm văn hóa thể thao Ia Chia	1762/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Ia Grai	5.000	5.000	-5.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Chia	
7	Dự án Trung tâm văn hóa thể thao Ia Pếch	1761/QĐ-UBND ngày 14/12/2024 của UBND huyện Ia Grai	5.300	5.300	-5.300	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Gào	
8	Đường từ thị trấn Ia Kha đi đường liên huyện	1746/QĐ-UBND ngày 13//12/2024	6.085	887	-887	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
	Huyện Chư Păh				-22.996			
1	Hệ thống nước sinh hoạt thị trấn Ia Ly	497A/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	11.000	11.000	-11.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Ia Ly	
2	Trường Mầm non Chư Đang Ya	50/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	4.550	4.550	-4.050	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND Xã Biển Hồ	
3	Trường Tiểu học Nghĩa Hưng	1192/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	3.718	3.718	-3.718	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND Xã Biển Hồ	
4	Đường nội thị thị trấn Ia Ly (Đường QH D6, đường dự kiến tại lô đất 08)	47/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	500	500	-500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Ia Ly	
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai thị trấn Phú Hòa (đoạn Quang Trung - Kpă Klong)	Số 282/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	1.400	1.400	-1.400	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
6	Sửa chữa cầu treo thị trấn Phú Hòa	Số 283/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	1.850	1.850	-1.850	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
7	Đường nội thị thị trấn Ia Ly	Số 284/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	1.710	1.710	-478	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Ia Ly	
	Huyện Đức Cơ				-17.317			

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chỉ tiêu đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
1	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty.	3282/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	14.900	14.900	-108	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
2	Nâng cấp, mở rộng Hội trường chung của huyện	2661/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	8.600	8.600	-3.897	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
3	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	43/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2416/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	4.000	4.000	-3.800	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Ia Dom	
4	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hồng Phong thị trấn Chư Ty	280/NQ-HĐND ngày 28/10/2024; 2418/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	14.900	14.900	-7.573	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An (Đoạn Quang Trung đến đường Liên xã)	3276/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	2.500	2.500	-1.940	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
	Huyện Kông Chro				-31.123			
1	Chuẩn bị đầu tư các dự án năm 2026		-		-123	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Nguyễn Huệ đến Nguyễn Trãi).	79/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	3.300	3.300	-3.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
3	Trường Mầm non Phong Lan	84/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.500	1.500	-1.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Đăk Song	
4	Trường THCS Quang Trung	80/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.500	2.500	-2.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
5	Trường TH&THCS Kông Yang	82/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.500	2.500	-2.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Ya Ma	
6	Trường TH&THCS An Trung	81/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.500	2.500	-2.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Chư Krey	
7	Trường PTDT Bán trú TH&THCS Yang Nam	86/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	3.800	3.800	-3.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
8	Trụ sở làm việc xã Đăk Pơ Pho	83/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.600	1.600	-104	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Chơ Long	
9	Trụ sở làm việc xã Yang Nam	87/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	3.300	3.300	-220	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
10	Trụ sở làm việc xã Đăk Kơ Ning	85/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.600	1.600	-104	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Sró	
11	Đường Võ Thị Sáu	45/QĐ-UBND ngày 03/4/2025; 67/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	1.250	1.250	-1.250	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
12	Mở rộng Đường Lê Lai (điểm đầu tiếp giáp với ĐT667 đi Nguyễn Văn Trỗi)	43/QĐ-UBND ngày 03/4/2025; 65/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	1.250	1.250	-1.250	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
13	Đường quy hoạch C1 và B2 (đoạn từ đường C1 đến đường Anh Hùng Núp)	44/QĐ-UBND ngày 03/4/2025; 66/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	1.172	1.172	-1.172	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chi trường đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
14	Mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng (đường Lê Lai đoạn trước Điện lực Kông Chro đi xã Kông Yang)	42/QĐ-UBND ngày 03/4/2025; 60/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	1.180	1.180	-1.180	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
15	Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước thị trấn Kông Chro	46/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	1.220	1.220	-1.220	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
16	Đường Quy hoạch Đ6 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài đến đường Nguyễn Văn Trỗi) và đường quy hoạch Đ3 (đoạn từ QH Đ6 đến đường sau Huyện đội).	49/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	5.941,00	5.941,00	-3.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
17	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai (CS2)	64/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	5.000,00	5.000,00	-5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
	Huyện Ia Pa				-26.078			
1	Trường TH & THCS Nay Der, xã Chư Mồ	132/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	5.750	5.750	-5.750	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
2	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ đường Võ Thị Sáu nối dài khu trung tâm huyện Ia Pa	Số 76/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	350	350	-350	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
3	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ đường Hai Bà Trưng khu trung tâm huyện Ia Pa	Số 75/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	550	550	-550	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
4	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng, xã Ia Trok	Số 72/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	850	850	-850	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
5	Xây dựng giếng khoan khu dân cư thôn 1, xã Pờ Tó	Số 70/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	500	500	-500	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND Xã Pờ Tó	
6	Trường Mầm non Tuổi Thơ, xã Ia Trok	Số 80/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	1.600	1.600	-1.600	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
7	Mương chống ngập úng nội thôn AMA Lim-xã Chư Mồ	Số 37/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
8	Mương chống ngập úng nội thôn Oi H'Trong-xã Chư Mồ	Số 38/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
9	Đường BTXM ra khu sản xuất thôn Bì Gia, xã Pờ Tó (Đoạn từ đất bà Tâm đến đất ông Trọng)	Số 39/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.100	1.100	-1.100	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Pờ Tó	
10	Hệ thống điện chiếu sáng xã Ia Kdăm	Số 34/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.028	1.028	-1.028	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
11	Sửa chữa mặt đường BTXM đường liên xã phía Đông sông Ba	Số 35/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.050	1.050	-1.050	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
12	Sửa chữa mặt đường BTXM đường Hai Bà Trưng	Số 36/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
13	Sửa chữa đường Hùng Vương	Số 33/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.100	1.100	-1.100	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
14	Sửa chữa đường Quang Trung	Số 32/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.100	1.100	-1.100	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
15	Sửa chữa đường Trần Hưng đạo	Số 31/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.100	1.100	-1.100	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Pa	
16	Thay thế kênh tấm lát kênh N2A bằng kênh hộp Trạm bơm điện Bôn Jứ, xã Ia Broãi	Số 45/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
17	Nâng cấp kênh trạm bơm điện số 1, xã Ia Tul	Số 40/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
18	Nâng cấp kênh trạm bơm điện số 1, xã Chư Mồ	Số 43/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
19	Nâng cấp kênh trạm bơm điện số 2, xã Chư Mố	Số 44/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
20	Nâng cấp kênh trạm bơm điện số 2, xã Ia Tul	Số 41/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
21	Nâng cấp kênh trạm bơm điện số 3, xã Ia Tul	Số 42/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
22	Thay thế kênh tấm lát kênh chính bằng kênh hộp Trạm bơm điện Bôn Jứ, xã Ia Broãi	Số 46/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.000	1.000	-1.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Ia Pa	UBND xã Ia Tul	
Thành phố Pleiku					-19.200			
1	Mương thoát nước đầu nối từ đường Nguyễn Thế Lịch xuống cánh đồng Iasol.	392/NQ-HĐND ngày 09/5/2024; 155/QĐ-BQL ngày 06/6/2024; 3776/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	2.400	2.400	-2.400	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Pleiku	
2	Trường Tiểu học Chu Văn An	120/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 402/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	13.800	13.800	-5.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Pleiku	
3	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	113/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 84/QĐ-BQL ngày 08/3/2024 399/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	11.800	11.800	-11.800	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND xã Biển Hồ	
Huyện Đak Pơ					-2.906			
1	Đường liên thôn xã Tân An - giai đoạn 1	475/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	2.730	2.730	-2.295	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	UBND phường An Bình	
2	San nền chợ Hà Tam	2723/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.710	1.710	-611	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	UBND Xã Đak Pơ	
Huyện Chư Sê					-30.537			
1	Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang, xã Albă	Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	11.000	11.000	-11.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND Xã Albă	
2	Trường TH Nguyễn Tri Phương, xã Ia Glai	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	3.000	3.000	-2.715	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
3	Trường mẫu giáo 17/3 xã Ia HLốp, huyện Chư Sê	Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	7.000	7.000	-6.858	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Ia Ko	
4	Đường quy hoạch khu dân cư thôn Phú Cường (Đường QH D2, D7) xã Ia Pal, huyện Chư Sê	Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	4.000	4.000	-2.681	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
5	Đường quy hoạch khu dân cư thôn Đoàn Kết (Đường QH D1, D2, D3) xã Ia Pal huyện Chư Sê	Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	7.500	7.500	-4.230	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
6	Đường điện đường quy hoạch khu dân cư thôn 5 (Đường QH D1) xã Ia Pal huyện Chư Sê	Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	950	950	-949	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
7	Đường điện đường quy hoạch khu dân cư thôn Đoàn Kết (Đường QH D1, D2, D3) xã Ia Pal huyện Chư Sê	Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	1.050	1.050	-1.019	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
8	Đường điện đường quy hoạch khu dân cư thôn Phú Cường (Đường QH D1, D2, D7) xã Ia Pal huyện Chư Sê	Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	1.300	1.300	-1.085	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
Huyện Mang Yang					-8.533			

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chi trường đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
1	Hội trường huyện Mang Yang	1223/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện	30.000	30.000	-7.558	Ban QL DA ĐTXD khu vực Mang Yang	UBND xã Mang Yang	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Du, thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang	249/QĐ-UBND ngày 04/3/2025	1.818	1.818	-975	Ban QL DA ĐTXD khu vực Mang Yang	UBND xã Mang Yang	
II	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				2.059.279			
II.1	Kế hoạch vốn theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025				2.878.413			
II.2	Kế hoạch điều chỉnh				-819.133			
a)	Điều chỉnh tăng				418.699			
	Thành phố Pleiku				290.061			
1	Chi đo đạc đăng ký đất đai, lập CSLD hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSD đất				32.000	UBND thành phố Pleiku	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
2	Vốn dự phòng				212.992	UBND thành phố Pleiku	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
3	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh dự án Khu dân cư Hội Phú, thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai				15.815	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
4	Đầu tư hạ tầng khu đất đã thu hồi tại số 53 Lý Nam Đế, phường Trà Bá (Khu đất thu hồi của công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai).				5.643	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
5	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng các vị trí thuộc dự án mở rộng chính trang đô thị, hoàn thiện cơ sở hạ tầng				18.352	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
6	Đầu tư hạ tầng khu đất đã thu hồi tại số 614A đường Phạm Văn Đồng, phường Yên Thế				5.259	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
	Thị xã An Khê				56.791			
1	Phí quản lý ứng vốn dự án				6	UBND thị xã An Khê	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
2	Vốn chuẩn bị đầu tư				5.412	UBND thị xã An Khê	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
3	Các dự án bồi thường GPMB (hoàn ứng phát triển quỹ đất)				51.373	UBND thị xã An Khê	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Chư Sê				1.000			
1	Vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện				1.000	UBND huyện Chư Sê	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Chư Pưh				5.508			
1	Vốn đền bù GPMB các dự án khác				4.548	UBND huyện Chư Pưh	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
2	Bảo trì bảo dưỡng tối thiểu 5%				960	UBND huyện Chư Pưh	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Mang Yang				24.960			
1	Vốn chưa phân bổ				6.942	UBND huyện Mang Yang	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
2	Trích nộp 10% chi dự án tổng thể xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính cấp tỉnh theo quy định				6.900	UBND huyện Mang Yang	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
3	Chi công tác đền bù giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện				11.117	UBND huyện Mang Yang	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Đak Đoa				27.950			
1	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới năm 2026, giai đoạn 2026-2030; thực hiện GPMB và nhiệm vụ phát sinh				27.950	UBND huyện Đak Đoa	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Phú Thiện				9.500			
1	Tiền thu SD đất, tiền thuê đất, tiền đất giá QSD trích nộp 10% về NST để thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và CSDL cấp tỉnh				2.000	UBND huyện Phú Thiện	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
2	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư các dự án CBĐT giai đoạn 2021-2025				7.500	UBND huyện Phú Thiện	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Đức Cơ				2.930			
1	Dự phòng tiền sử dụng đất tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 8/5/2025 của UBND huyện Đức Cơ				2.200	UBND huyện Đức Cơ	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
3	Giai phóng mặt bằng các công trình năm 2023 chưa thực hiện				730	UBND huyện Đức Cơ	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
b)	Điều chỉnh giảm các dự án do chuyển từ BQL Khu vực về xã				-1.237.833			
	Huyện Đak Đoa				-3.704			
1	Trụ sở HĐND-UBND xã Glar, huyện Đak Đoa	3068a/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	12.000	11.902	-128	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
2	Quảng trường huyện Đak Đoa	2537/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	12.000	11.789	-3.476	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Đoa	
3	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ xã Ia Băng	3029/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	3.600	3.000	-100	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Đoa	UBND xã Ia Băng	
	Thị xã Ayun Pa				-1.983			
1	Nhà làm việc công an xã Ia Sao, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	222/QĐ-UBND 07/11/2024	1.500	1.500	-500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND xã Ia Sao	
2	Trường mầm non Hoa Hồng	65/QĐ-UBND 14/12/2023	4.350	4.350	-1.483	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
	Huyện Phú Thiện				-12.218			
1	Cổng hợp tổ dân phố 9, 10 thị trấn Phú Thiện	1190/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.200	1.200	-222	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
2	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Hùng Vương, thị trấn Phú Thiện (giai đoạn 3)	1019/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	8.000	8.000	-4.000	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
3	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Chrôh Ponan	1802/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	4.200	4.200	-872	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND Xã Ia Hiao	
4	Nhà thi đấu đa năng huyện Phú Thiện	1109/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	24.000	2.029	-2.029	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
5	Điện chiếu sáng công lộ trên địa bàn huyện Phú Thiện	560/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	13.000		-2.600	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
6	Nghĩa trang nhân dân huyện Phú Thiện	561/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	7.867		-2.495	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
	Huyện Mang Yang				-5.491			
1	Đường quy hoạch D2, đoạn đường tiếp giáp chợ xã Đak Djrăng (khu quy hoạch OQH 6, OQH 7, TTHC xã Đak Djrăng)	1581/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện	2.200	2.200	-2.200	Ban QL DA ĐTXD khu vực Mang Yang	UBND xã Mang Yang	
2	Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Pyâu, làng Đê Bơ Tuk, làng Đê Kôn (xã Lơ Pang, xã Đak Jơ Ta, xã H'ra)	1997/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 Chủ tịch UBND huyện	45.087	3.045	-3.045	Ban QL DA ĐTXD khu vực Mang Yang	UBND Xã Lơ Pang	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Ayun, huyện Mang Yang	348/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện	1.680	1.680	-124	Ban QL DA ĐTXD khu vực Mang Yang	UBND Xã Ayun	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Ta Ley, huyện Mang Yang	347/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện	2.980	2.980	-122	Ban QL DA ĐTXD khu vực Mang Yang	UBND Xã Hra	
	Huyện Kbang				-400			
1	Trung tâm Văn hóa- thể thao huyện Kbang	167/QĐ-UBND 18/12/2023	25.000		-400	Ban QL DA ĐTXD khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
	Huyện Krông Pa				-6.846			
1	Mở rộng kênh Chính, kênh N33 tiếp nước cho kênh N33 nối dài thuộc Công trình thủy lợi Ia M'lah	231/NQ-HĐND ngày 07/10/2024	5.220	1.653	-1.653	Ban QL DA ĐTXD khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
2	Đường quy hoạch D11 + Đường Lý Tự Trọng, thị trấn Phú túc	263/NQ-HĐND, ngày 06/03/2025	4.845	4.845	-4.820	Ban QL DA ĐTXD khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
3	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn HV- NVT)	267/NQ-HĐND, ngày 29/05/2025	520	520	-373	Ban QL DA ĐTXD khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
	Huyện Ia Grai				-41.470			

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chỉ tiêu đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
1	Dự án Đường từ Tỉnh lộ 664 đi đường liên huyện	470/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; 3512/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	14.990	14.990	-6.133	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
2	Dự án Đường quy hoạch mở rộng thị trấn về phía Bắc	1239/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	14.500	14.500	-14.067	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
3	Nước sinh hoạt tự chảy làng Ngai Yố	1759/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	5.300	5.300	-1.270	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
4	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai	708/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	55.000	15.000	-15.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
5	Trường mẫu giáo 7/5	1760/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Ia Grai	5.000	5.000	-5.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ia Grai	UBND xã Ia Grai	
	Huyện Chư Păh				-62.957			
1	Hồ thị trấn Phú Hòa	616/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	89.500	39.500	-39.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
2	Trụ sở UBND huyện Chư Păh	738/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	24.000	4.000	-4.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
3	Trường Mầm non Chư Đàng Ya	50/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	4.550	4.550	-500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Biển Hồ	
4	Đường nội thị thị trấn Ia Ly	Số 284/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	1.710	1.710	-1.232	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Ia Ly	
5	Trường THCS Nghĩa Hưng	1185/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	3.275	3.275	-3.275	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Biển Hồ	
6	Đường liên xã Hòa Phú - Ia Ka	1184/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	2.000	2.000	-2.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
7	Đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (D27, D8)	48/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	700	700	-700	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Ia Ly	
8	Hệ thống điện chiếu sáng và cải tạo, mở rộng hệ thống nước sinh hoạt khu trung tâm xã Nghĩa Hưng	09/QĐ-UBND ngày 07/01/2025	4.250	4.250	-4.250	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Biển Hồ	
9	Đường vào thao trường huyện	1177/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	2.500	2.500	-2.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
10	Đường khu dân cư khối phố 3 thị trấn Phú Hòa	Số 285/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	3.880	3.880	-3.880	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
11	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thị trấn Phú Hòa	Số 281/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	1.120	1.120	-1.120	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Păh	UBND xã Chư Păh	
	Thị Xã An Khê				-2.218			
1	Đường Nguyễn Nhạc (đoạn từ đường Ngô Thì Nhậm đến hết trường mẫu giáo Sao Mai); Hạng mục: Mở rộng mặt đường, đan rãnh, bó vỉa, hệ thống thoát nước	2375/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	14.200	14.200	-2.218	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực An Khê	UBND phường An Khê	
	Huyện Đức Cơ				-73.793			
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh thị trấn Chư Ty	2677/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	23.000	23.000	-20.300	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
2	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty.	3282/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	14.900	14.900	-14.700	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
3	Nghĩa địa chung huyện Đức Cơ	2886/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 2415/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	2.443	2.443	-2.400	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
4	Nâng cấp, mở rộng Hội trường chung của huyện	2661/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	8.600	8.600	-4.703	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chi trường đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
5	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An (Đoạn Quang Trung đến đường Liên xã)	3276/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	2.500	2.500	-460	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hồng Phong thị trấn Chư Ty	280/NQ-HĐND ngày 28/10/2024; 2418/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	14.900	14.900	-4.370	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi và đường Trần Phú (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Siu Blêh) thị trấn Chư Ty	143/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2243/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	3.600	3.600	-3.600	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
8	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: Cù Chính Lan; Ngõ Mây; Nguyễn Khuyến; Nguyễn Bình Khiêm	69/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2419/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	4.600	4.600	-4.460	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
9	Đường Quy hoạch khu dân cư Tổ dân phố 7 (phía Đông Công an huyện, đường vào xã Ia Nôn) thị trấn Chư Ty	276/NQ-HĐND ngày 28/10/2024; 2420/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	13.000	13.000	-10.400	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
10	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh thị trấn Chư Ty	277/NQ-HĐND ngày 28/10/2024; 2421/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	4.500	4.500	-4.400	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Đức Cơ	
11	Hệ thống cung cấp nước sạch sinh hoạt xã Ia Nan, huyện Đức Cơ	275/NQ-HĐND ngày 28/10/2024; 2422/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	6.800	2.800	-2.800	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Ia Nan	
12	Ban Chỉ huy Quân sự xã Ia Kla	279/NQ-HĐND ngày 28/10/2024; 2405/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	1.200	1.200	-1.200	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Cơ	UBND xã Ia Dok	
	Huyện Kông Chro				-5.817			
1	Via hè đường Kpă Kơng (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Quy hoạch Đ2)	48/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	400	400	-400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
2	Mở rộng đường vào xã Ya Ma (đoạn từ Nguyễn Văn Trỗi đến trung tâm xã Ya Ma)	40/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	3.320	3.320	-698	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
3	Hệ thống chiếu sáng công cộng	37/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	4.000	4.000	-2.178	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
4	Đường Quy hoạch Đ6 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài đến đường Nguyễn Văn Trỗi) và đường quy hoạch Đ3 (đoạn từ QH Đ6 đến đường sau Huyện đội).	49/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	5.941,00	5.941,00	-2.541	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
	Thành phố Pleiku				-1.014.261			
1	Trụ sở HĐND -UBND Thành phố	76/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 437/QĐ-UBND ngày 14/04/2023	150.000	110.000	-110.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Pleiku	
2	Công vào khu thắng cảnh Biển Hồ	177/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 432/QĐ-BQL ngày 14/10/2021; 478/QĐ-BQL ngày 22/10/2024	25.000	25.000	-21.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND xã Biển Hồ	
3	Đường Nguyễn Thị Định (đoạn đường Phạm Văn Đồng - đường Lê Đại Hành)	151/NQ-HĐND ngày 13/08/2021 311/NQ-HĐND ngày 07/6/2023; 2098/QĐ-UBND ngày 29/11/2023; 3908/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	13.356	13.356	-13.356	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Thống Nhất	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chỉ tiêu đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
4	Đường Nguyễn Hữu Huân (đoạn đường Phan Đình Phùng - đường Lê Thị Hồng Gấm)	159/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 265/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; 302/NQ-HĐND ngày 21/12/2022; 416/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	19.083	19.083	-19.083	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Pleiku	
5	Đường Lý Chính Thắng	149/NQ-HĐND ngày 13/08/2021 310/NQ-HĐND ngày 07/6/2023; 2081/QĐ-UBND ngày 24/11/2023; 3896/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	28.066	28.066	-28.066	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Hội Phú	
6	Đường Đào Duy Từ (đoạn Phạm Hùng đến Km3+600), TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	299/NQ-HĐND ngày 21/12/2022; 430/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; 680/QĐ-BQL ngày 09/11/2023	24.000	24.000	-24.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND xã Biển Hồ	
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh	85/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 526/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	400.200	400.200	-398.399	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
8	Trường THCS Nguyễn Việt Xuân	337/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 2123/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	16.500	16.500	-16.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Hội Phú	
9	Trường THCS Tôn Đức Thắng	338/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 2128/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	17.500	17.500	-13.900	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Thống Nhất	
10	Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	341/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 2127/QĐ-UBND ngày 06/12/2023; 149/QĐ-BQL ngày 04/6/2024	18.000	18.000	-15.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Thống Nhất	
11	Trường THCS Lý Tự Trọng	339/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 517/QĐ-BQL ngày 01/11/2024	32.000	32.000	-28.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường An Phú	
12	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	342/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 503/QĐ-BQL ngày 02/8/2023; 145/QĐ-BQL ngày 28/5/2024	12.000	12.000	-10.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Hội Phú	
13	Trường THCS Ngô Gia Tự	343/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 554/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	19.500	19.500	-19.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường An Phú	
14	Cải tạo và nâng cấp công viên Diên Hồng (khu vực hồ B).	389/NQ-HĐND ngày 09/5/2024; 154/QĐ-BQL ngày 06/6/2024; 4147/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	17.000	17.000	-17.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
15	Cổng, hàng rào và sân bê tông Nhà điều hành Trung tâm phát triển cụm công nghiệp Diên Phú	388/NQ-HĐND ngày 09/5/2024; 156/QĐ-BQL ngày 06/6/2024; 3212/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1.552	1.552	-1.552	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
16	Sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh, âm thanh, điện Hội trường 19/5; Hệ thống điện phòng họp Ban thường vụ nhà làm việc văn phòng	390/NQ-HĐND ngày 09/5/2024; 148/QĐ-BQL ngày 04/6/2024; 3362/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	1.939	1.939	-1.939	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
17	Nhà nghỉ chân ngắm cảnh cho du khách tại khu vực thắng cảnh Biển Hồ	127/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 419/NQ-HĐND ngày 03/10/2024	13.404	13.404	-13.404	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND xã Biển Hồ	
18	Đường Quyết Tiến (đoạn đường Đồng Tiến - Lê Thánh Tôn)	333/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 2148/QĐ-UBND ngày 12/12/2023; 339/QĐ-BQL ngày 16/8/2024	45.000	45.000	-45.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
19	Đường Trần Nhật Duật	334/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 1942/QĐ-UBND ngày 02/11/2023; 201/QĐ-BQL ngày 04/7/2024	35.819	35.819	-35.819	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
20	Đường Lạc Long Quân (đoạn đường Lê Duẩn đến cuối đường)	335/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 1946/QĐ-UBND ngày 03/11/2023; 157/QĐ-BQL ngày 06/6/2024	44.353	44.353	-35.853	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường An Phú	
21	Thảm bê tông nhựa và làm mới vỉa hè đường Hùng Vương	405/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	57.400	57.400	-10.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
22	Đường Lê Lai (đoạn Đường Hùng Vương - đường Hai Bà Trưng)	407/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 445/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	18.520	18.520	-15.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
23	Đường Lữ Gia (đoạn đường Trường Sơn - Nhà máy xi măng Gia Lai)	408/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; 4053/QĐ-UBND ngày 07/12/2024	8.900	8.900	-8.900	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Thống Nhất	
24	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu.	116/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 86/QĐ-BQL ngày 08/3/2024 400/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; 3982/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	9.800	9.800	-9.800	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND xã Biển Hồ	
25	Trường TH&THCS Anh hùng Võu.	119/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 89/QĐ-BQL ngày 08/3/2024 401/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; 4094/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	17.000	17.000	-8.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND xã Gào	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
26	Trường Tiểu học Chu Văn An	120/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 90/QĐ-BQL ngày 08/3/2024 402/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; 3983/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	13.800	13.800	-5.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Pleiku	
27	Đường Mai Thúc Loan (đoạn đường Phạm Văn Đồng - đường Lê Đại Hành)	150/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 81/QĐ-BQL ngày 08/3/2024; 3973/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	9.980	9.980	-9.980	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Thống Nhất	
28	Đường Hà Huy Tập (đoạn đường Phạm Ngọc Thạch - đường Lê Văn Hữu)	166/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 80/QĐ-BQL ngày 08/3/2024 403/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; 4110/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	41.600	41.600	-10.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Thống Nhất	
29	Đường Tăng Bạt Hổ	755/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	18.521	18.521	-17.560	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
30	Cổng thôn 5 xã Gào	288/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	23.400	23.400	-23.400	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND xã Gào	
31	Đầu tư trang thiết bị Trại sở HĐND & UBND TP Pleiku	417/NQ-HĐND ngày 03/10/2024; 4140/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	28.750	28.750	-28.750	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Pleiku	
	Huyện Đak Pơ				-6.674			
1	San nền chợ Hà Tam	2723/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.710	1.710	-549	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	UBND xã Đak Pơ	
2	Bảo trì, bảo dưỡng đường thôn An Phong xã Phú An (đoạn từ đập Bến Tuyết đi trại sở thôn An Phong)	2684/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	3.500	3.500	-710	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	UBND xã Ia Hội	
3	Nhà tiếp dân và phòng họp HĐND và UBND huyện Đak Pơ	2683/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	5.700	5.700	-5.415	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	UBND xã Đak Pơ	
III	NGUỒN VỐN KHÁC NGÂN SÁCH HUYỆN				93.759			
I.1	Kế hoạch vốn theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025				125.477			
I.2	Kế hoạch điều chỉnh				90.071			
	Thành phố Pleiku				50.598			
1	Bồi thường GPMB cho các hộ dân bị ảnh hưởng dự án chợ đầu mối (hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh)				2.171	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
2	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh dự án khu tái định cư Trà Đa thành phố Pleiku				3.110	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
3	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh dự án Trung tâm thương mại Pleiku				485	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
4	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh dự án khu tái định cư Trà Đa (giai đoạn 2)				14.788	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
5	Kinh phí bồi thường hỗ trợ dự án mở rộng nhà thi đấu thể thao tỉnh Gia Lai				883	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chỉ tiêu đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
6	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu đô thị CK54, xã Trà Đa thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai				29.161	UBND thành phố Pleiku	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai	
	Huyện Chư Sê				37.473			
1	Bồi thường Hỗ trợ GPMB		17.812	17.812	17.812	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
2	Trích nộp 30% về Quỹ đất tỉnh tại Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Chư Sê				19.661	UBND huyện Chư Sê	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
	Huyện Đak Đoa				2.000			
1	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới năm 2026, giai đoạn 2026-2030; thực hiện GPMB và nhiệm vụ phát sinh				2.000	UBND huyện Đak Đoa	Chuyển về tỉnh chờ phân bổ	
I.3	Điều chỉnh giảm các dự án do chuyển từ BQL Khu vực về xã				-121.788			
	Thị xã Ayun Pa				-5.333			
1	Trường tiểu học Chu Văn An	63/QĐ-UBND 05/12/2023	7.500	7.500	-991	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND xã Ia Rbol	
2	Trường THCS Phạm Hồng Thái	79/QĐ-UBND 26/12/2024	4.920	4.920	-1.341	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND xã Ia Rbol	
3	Nhà làm việc công an xã Ia Sao, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	222/QĐ-UBND 07/11/2024	1.500	1.500	-1.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND xã Ia Sao	
4	Đường trục sản xuất thuộc đề án 5 bốn ĐBDTTS thuộc 4 phường trên địa bàn thị xã	80/QĐ-UBND 26/12/2024	11.461	11.461	-2.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Ayun Pa	UBND phường Ayun Pa	
	Huyện Chư Prông				-7.603			
1	Sắp xếp, ổn định dân cư làng Phung, thôn Pior 1 xã Ia Pior	2246/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	70.084	4.669	-4.669	BQLDA ĐTXD khu vực Chư Prông	UBND xã Ia Lâu	
2	Sắp xếp, ổn định dân cư làng Hlang Ngol, làng Ó, làng Siu, làng Doách, xã Ia Vê	2382/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	49.585	2.934	-2.934	BQLDA ĐTXD khu vực Chư Prông	UBND xã Ia Pia	
	Huyện Phú Thiện				-5.100			
1	Cải tạo, mở rộng Hội trường chung	1469/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	5.000	5.000	-5.000	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
2	Khu căn cứ chiến đấu mô phỏng huyện Phú Thiện	1804/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	3.000	3.000	-100	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Thiện	UBND xã Phú Thiện	
	Huyện Kbang				-5.994			
1	Đường Lê Văn Tám, thị trấn Kbang (Cầu Lê Văn Tám- Đông Trường Sơn)	171/QĐ-UBND 28/12/2023	14.950	14.950	-5.994	Ban QL DA ĐTXD khu vực Kbang	UBND xã Kbang	
	Huyện Krông Pa				-3.367			
1	Đường Kpă KLong (đoạn từ Lê Văn Tám- Hùng Vương)	195/NQ-HĐND, ngày 23/11/2023	3.500	3.500	-3.367	Ban QL DA ĐTXD khu vực Krông Pa	UBND xã Phú Túc	
	Thị Xã An Khê				-17.562			
1	Đường Nguyễn Nhạc (đoạn từ đường Ngô Thì Nhậm đến hết trường mẫu giáo Sao Mai); Hạng mục: Mở rộng mặt đường, đan rãnh, bó vỉa, hệ thống thoát nước	2375/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	14.200	14.200	-11.062	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực An Khê	UBND phường An Khê	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
2	Trường tiểu học Kim Đồng, hạng mục: Sửa chữa khối phòng hành chính quản trị, nhà học 08 phòng và xây mới các hạng mục phòng mỹ thuật, phòng học đa chức năng, nhà đa năng, nhà bảo vệ, hệ thống phòng cháy chữa cháy	2372/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	6.500	6.500	-6.500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực An Khê	UBND xã Cửu An	
	Huyện Kông Chro				-11.751			
1	Trụ sở HĐND và UBND huyện Kông Chro	01/QĐ-UBND ngày 05/01/2023; 65/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	24.000	4.000	-4.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
2	Cải tạo hệ thống nước thị trấn Kông Chro	71/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1.138	1.138	-1.138	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
3	Nâng cấp, cải tạo đường liên thôn làng Hinh Đăk	47/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	350	350	-350	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Ya Ma	
4	Hệ thống chiếu sáng công cộng	37/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	4.000	4.000	-1.822	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
5	Mở rộng đường vào xã Ya Ma (đoạn từ Nguyễn Văn Trỗi đến trung tâm xã Ya Ma)	40/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	3.320	3.320	-2.622	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
6	Đường Trần Phú (đoạn Kpă Klong đi thác Ya Rung)	32/QĐ-UBND ngày 18/3/2025; 49/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	650	650	-650	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
7	Đường Nguyễn Huệ nối dài	31/QĐ-UBND ngày 18/3/2025; 39/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	1.169	1.168,83	-1.169	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kông Chro	UBND xã Kông Chro	
	Thành phố Pleiku				-38.372			
1	Hoàn ứng kinh phí xây dựng chợ Hoa Lư		12.602	12.602	-11.971	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
2	Công vào khu thắng cảnh Biển Hồ	177/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 432/QĐ-BQL ngày 14/10/2021; 478/QĐ-BQL ngày 22/10/2024	25.000	25.000	-4.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND xã Biển Hồ	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh	85/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 526/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	400.200	400.200	-1.801	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Diên Hồng	
4	Trường THCS Tôn Đức Thắng	338/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 2128/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	17.500	17.500	-3.600	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Thống Nhất	
5	Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	341/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 2127/QĐ-UBND ngày 06/12/2023; 149/QĐ-BQL ngày 04/6/2024	18.000	18.000	-2.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Thống Nhất	

STT	Chương trình, Nhiệm vụ, Dự án	Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách huyện	Đầu mỗi giao kế hoạch	Đầu mỗi giao kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
				Ngân sách huyện				
6	Trường THCS Lý Tự Trọng	339/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 517/QĐ-BQL ngày 01/11/2024	32.000	32.000	-4.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường An Phú	
7	Đường Lạc Long Quân (đoạn đường Lê Duẩn đến cuối đường)	335/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 1946/QĐ-UBND ngày 03/11/2023; 157/QĐ-BQL ngày 06/6/2024	44.353	44.353	-8.500	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường An Phú	
8	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	342/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 372/NQ-HĐND ngày 20 /12/2023	12.000	12.000	-2.000	Ban QL DA ĐTXD khu vực Pleiku	UBND phường Hội Phú	
	Huyện Đak Pơ				-4.700			
1	Đường liên thôn xã Tân An - giai đoạn 1	475/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	2.730	2.730	-435	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	'UBND phường An Bình	
2	San nền chợ Hà Tam	2723/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.710	1.710	-490	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	UBND xã Đak Pơ	
3	Bảo trì, bảo dưỡng đường thôn An Phong xã Phú An (đoạn từ đập Bến Tuyết đi trụ sở thôn An Phong)	2684/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	3.500	3.500	-2.790	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	'UBND xã Ya Hội	
4	Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nước tự chảy làng Đêchogang	143/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	700	700	-700	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	'UBND xã Ya Hội	
5	Nhà tiếp dân và phòng họp HĐND và UBND huyện Đak Pơ	2683/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	5.700	5.700	-285	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đak Pơ	UBND xã Đak Pơ	
	Huyện Đak Đoa				-1.699			
1	Đường ra khu sản xuất cánh đồng làng Đê Somei, xã Đak Somei, huyện Đak Đoa	3030/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1.800		-1.699	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Đoa	UBND xã Đak Somei	
	Huyện Chư Păh				-20.308			
1	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nội đồng làng Hreng, xã Hòa Phú	Số 286/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	2.496		-2.496	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực ChưPăh	UBND xã Chư Păh	
	Huyện Chư Sê				-17.812			
1	Bồi thường Hỗ trợ GPMB		17.812	17.812	-17.812	Ban QL DA ĐTXD khu vực Chư Sê	UBND xã Chư Sê	
B	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN VỀ XÃ				3.401.409			Giao Sở Tài chính tham UBND tỉnh quyết định
I	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG				2.099.051			
1	Kế hoạch vốn theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025				1.772.579			
2	Kế hoạch điều chỉnh				326.472			
II	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				1.302.358			
1	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/7/2025				483.224			
2	Kế hoạch điều chỉnh				819.133			
III	NGUỒN VỐN KHÁC NGÂN SÁCH HUYỆN				121.788			
1	Kế hoạch vốn theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025				0			
2	Điều chỉnh tăng các dự án do chuyển từ BQL Khu vực về xã				121.788			